

Kế hoạch Phòng ngừa Tai nạn Lao động 5 năm lần thứ 3 (2010~2014)

2010. 3

Ph ả i c

- Kế hoạch triển khai các đề án chính cho năm 2010
- Công cụ ví dụ phòng ngừa tai nạn lao động cho Đề án Công vụ và Hy vọng năm 2010
- Kế hoạch triển khai cho “chiến dịch giảm thiểu tai nạn”
- Biện pháp quản lý an toàn cho 「Đề án Phòng ngừa tai nạn 4 Dòng sông Chính」
- Chiến dịch giảm thiểu tai nạn làm việc không khói thuốc và chiến dịch tạo tình thân lành mạnh cho người lao động

. Khái quát	1
. Đánh giá các k ho ch tr c đó và kh o sát tình hình hi n t i	2
. Tri n v ng v tình hình chính tr t ng lai và đ ng thái c a các n c phát tri n	11
1. Tri n v ng v tình hình chính tr t ng lai	11
2. Đ ng thái c a các n c phát tri n chính và h qu	13
. T m nhìn và chi n l c tri n khai	15
. Nhi m v chính	17
1. Đ t ra các ho t đ ng phòng tránh tai n n lao đ ng t nguy n b ng cách xây d ng các c s h th ng và pháp lý	17
2. Đa d ng hóa các h th ng phân ph i d ch v thông qua vi c tham gia và h p tác	22
3. C i thi n tính hi u qu c a đ án thông qua các ph ng th c phòng tránh chuyên bi t	26
4. Xây d ng h th ng qu n lý u tiên phòng tránh b nh t t	32
5. T ý th c và xây d ng thói quen nh n th c v s c kh e và an toàn thông qua văn hóa s c kh e và an toàn m r ng	37
6. Tăng c ng năng l c qu n lý đ i v i v n đ s c kh e và an toàn lao đ ng	42
. Bi n pháp ti p theo và k ho ch hành đ ng cho các nhi m v chi ti t	45

Khái quát

- Trên đây, chính phủ đã lập và triển khai các kế hoạch phòng ngừa tai nạn lao động.
 - Điều 8 của Luật Sức khỏe và An toàn Lao động yêu cầu Bộ trưởng Lao động lập kế hoạch phòng tránh tai nạn lao động trung dài hạn.

Niên biểu cho kế hoạch trung dài hạn

 - ▲ Kế hoạch phòng tránh tai nạn lao động 6 năm lần thứ nhất ('91~'96)
 - ▲ Kế hoạch tuyên truyền về an toàn lao động 3 năm ('97~'99)
 - ▲ Kế hoạch phòng tránh tai nạn lao động 5 năm lần thứ nhất ('00~'04)
 - ▲ Kế hoạch phòng tránh tai nạn lao động 5 năm lần thứ hai ('05~'09)
- Trong thời gian thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (j'05~j'09), chính phủ đã đề ra các kế hoạch mong đợi bằng cách cải thiện luật và hệ thống, mở rộng cơ sở hạ tầng và xây dựng hệ thống phòng tránh tai nạn lao động.
 - Tuy nhiên, với các hệ thống, chính sách phòng tránh tai nạn lao động, các chính sách và hệ thống triển khai đã hạn chế, vì cần phải chú ý quá trình thay đổi môi trường, ví dụ: thay đổi trong cấu trúc công nghiệp, tình hình sinh sản, trạng thái xã hội già đi cùng sự phát sinh các yếu tố có hại và nguy hiểm, càng trở nên khó khăn.
 - Vì vậy, nhu cầu nảy sinh là chúng ta cần xây dựng và cải thiện hệ thống thành một hệ thống phân phối có thể dự đoán khả năng nguy hiểm từ các tác nhân, tách biệt cách tiếp cận chính quyền và phổ biến các kế hoạch và chương trình các tác nhân.
- Do đó, chính phủ cần đưa ra những tầm nhìn trung dài hạn và các nhiệm vụ chính là có thể dự đoán và đánh giá môi trường chính trị, kinh tế và văn hóa cũng như thực hiện các chương trình triển khai hệ thống.
 - Đưa ra kế hoạch tiếp theo (phác thảo) sau khi thực hiện nghiên cứu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra theo trình tự (do Bộ Lao động và Cựu quan Quan lý Sức khỏe và An toàn Lao động Hàn Quốc [KOSHA] thực hiện) và thu thập ý kiến từ người lao động, các quan chức và các chuyên gia liên quan.

Đánh giá các kế hoạch triển khai dự án và khảo sát tình huống hiện tại

1 Đánh giá kế hoạch 5 năm vừa qua

Kế hoạch phòng tránh tai nạn lao động 5 năm lần thứ 2 đã được triển khai để hiện thực hóa mục tiêu “Xã hội An toàn và Thịnh vượng”, nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe cho mọi người lao động.

- Nội dung đã xây dựng hệ thống phòng tránh tai nạn lao động để có thể nên bằng cách tập trung năng lực quản lý vào các lĩnh vực đã xảy ra tai nạn lao động, bao gồm các ngành nghề xuyên suốt xảy ra tai nạn chết người và các ngành doanh nghiệp khác.
- Tuy nhiên, cần lưu ý rằng có những ràng buộc nhất định đối với hệ thống để có thể cung cấp dữ liệu phân tích và đảm bảo an ninh bên trong hệ thống, các thị trường mới nhất có thể có giá trị sức khỏe và an toàn lao động, đồng thời mở rộng sự tham gia.

(1) Kết quả

- Các thị trường các hệ thống phòng ngừa tai nạn
 - Số lượng các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng đã giảm đi và được điều chỉnh theo hướng giảm trung tâm phòng tránh tai nạn lao động nghiêm trọng (họat động tại Ulsan, Yeosu, Cheonan và Ansan; được thành lập vào tháng 3 năm 2005)
 - * Số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng (đơn vị: vụ): ('04) 11 → ('05) 5 → ('06) 3 → ('07) 4 → ('08) 6 → ('09) 4
 - * Số liệu thống kê của Liên minh Châu Âu về tai nạn hóa chất: 3 vụ /1.000 doanh nghiệp ('08)
 - Số lượng thống kê tích trong ngành xây dựng đã giảm đi nhờ việc áp dụng hóa các hệ thống liên quan, ví dụ: các thị trường đánh giá rủi ro (PQ) khi đưa ra và đưa ra chi phí quản lý sức khỏe và an toàn lao động lên cấp độ phù hợp với thị trường.
 - * Tỷ lệ thống kê tích trong ngành xây dựng (%): ('04) 0.95 → ('05) 0.76 → ('06) 0.72 → ('07) 0.67 → ('08) 0.64 → ('09) 0.65
- Cung cấp hỗ trợ phòng tránh thống kê thông qua việc chỉ định các chuyên gia kỹ thuật chuyên nghiệp để các công trình xây dựng mới có thể giảm giá trị dự kiến từ 300 triệu KRW, nếu không bắt buộc phải có các biện pháp quản lý an toàn ('06.2)
- Tăng cường các hoạt động giám sát trực tiếp và tiếp theo bằng cách đưa ra “hệ thống chứng nhận an toàn” theo đó hệ thống sản xuất và khả năng kỹ thuật cho quy trình sản xuất máy móc, thiết bị và công cụ nguy hiểm phải được kiểm tra. ('07.7)

- T o n n móng cho vi c xây d ñg h ñh ng qu n lý v s c kh e
 - Đ y m nh s ñ ñnh bên trong c a h ñh ng đo l ñg môi tr ñg làm vi c b ñg cách đ a vào h ñh ng đánh giá đ ñ tin c y trong đó s đ ñúng đ ñ và đ ñ chính xác c a vi c đo l ñg môi tr ñg làm vi c đ ñ c đánh giá.
 - H ñh ng tiêu chu ñn dung sai c a y u t có h i* m i đ ñ c đ a vào ('07.7) đ ñ ñâng cao trách nhi m c a ch s h u doanh nghi p trong vi c b o v s c kh e c a ng ñi lao đ ñg.
 - * M t h ñh ng trong đó m c đ ñ ph i nhi m đ ñ c gi đ ñ i m c quy đ ñnh, bao g m các y u t có h i có th ñây ra nh ñng v ñ ñ ñng nghiêm tr ñng v s c kh e đ i v ñng ñi lao đ ñg
 - T o n n t ñg đ ñ ñâng c p h ñh ng qu n lý hóa ch t ('07.6) b ñg cách c i t i n h ñh ng phân lo i và dán nhãn hóa ch t ('06.9) phù h p v i tiêu chu ñn toàn c u (GHS) và b ñg cách s a đ i tiêu chu ñn ph i nhi m (86 lo i).
- H tr các ho t đ ñg an toàn và s c kh e phù h p v i doanh nghi p
 - Tăng c ñng h tr tài chính và k thu t đ ñ c i thi n môi tr ñg làm vi c c a nh ñg doanh nghi p nh thuê đ ñ i 50 ng ñi lao đ ñg; nh đó đ ñng góp vào vi c gi m th ñng tích.
 - * H i u qu c a vi c gi m t l ñh ñng tích b ñg năm c a doanh nghi p s ch (đ ñn v : %): ('05) 48.1 → ('06) 23.8 → ('07) 27.2 → ('08) 34.6 → ('09) 33.6
 - Khi n ch s h u doanh nghi p t ñng u y n tham gia b ñg cách đ a vào h ñh ng th a thu ñ ñôi bên cùng có l i ('05) đ ñ phòng tránh th ñng tích gi a công ty m và nhà th u ph
 - Ph c h i vi c qu n lý an toàn t ñng u y n b ñg cách đ a vào ch ñng trình phòng tránh th ñng tích do ng ñi lao đ ñg - ban qu n lý t ñng u y n th c hi n t i các công tr ñng xây d ñg l ñn ('07.7)
- Ho t đ ñg văn hóa an toàn
 - Chi ñn d ch không th ñng tích t i doanh nghi p (x p x 120.000 n i làm vi c đ ñ ñã tham gia, v i kho ñg 30.000 n i làm vi c đ ñ c ch ñng nh n), s ki n ngày kh o sát an toàn (x p x 15.200 n i làm vi c) và s ki n tu ñn chi ñn d ch (m i tu ñn đ u tiên c a tháng 7) đ ñng đ ñ c t i n hành liên t c
 - Phát tri n và cung c p tài li u đào t o đ ñ đ m b o s ñ ñnh bên trong c a văn hóa an toàn tr ñng h c
 - * Ho t đ ñg c a các tr ñng h c m u (265 tr ñng h c), b i d ñng ng ñi d y v an toàn (x p x 17.510 ng ñi) và h i ñng ñng ñng c u c a nhân viên ngành giáo d c (x p x 200 l ñn)

(2) Gi i h n

- Năng l c c a ng i dân th p do vi c tri n khai các d án do chính ph lãnh đ o.
 - Nhân viên trong ngành công nghi p, c dân trong vùng và ng i dân thi u c h i tham gia trong quá trình l p chính sách s c kh e và an toàn lao đ ng và quá trình ra quy t đ nh
 - Vi c m r ng đ i t ng đ c l i t phòng tránh th ng tích b gi i h n và m c đ đa d ng hóa c a d án không đ y đ , vì d án đ c tri n khai v i tr ng đ i m là B Lao đ ng và KOSHA.
 - Vi c đánh giá các c quan d ch v nh m m c đích c i thi n ch t l ng c a c quan d ch v an toàn và s c kh e và vi c kích ho t h th ng tham kh o v s c kh e và an toàn lao đ ng đang b trì hoãn do năng l c và kh năng thích ng c a ng i dân v i các h th ng ch a đ c xem xét đ y đ .
- Vi c tái t o các ho t đ ng phòng ng a t nguy n không đ
 - Tác đ ng c a vi c v n hành y ban v s c kh e và an toàn lao đ ng và giám sát viên an toàn lao đ ng danh d ã gi m đi vì h ch ti n hành m t cách qua loa.
 - N l c nh m nâng cao v trí c a ng i qu n lý v an toàn và s c kh e và h y b h th ng thuê ngoài qu n lý an toàn và s c kh e đang b trì hoãn do hoàn c nh th c t ch a chín mu i; h n n a, không có ch ng trình thay th nào.
 - Vi c d a vào các c quan đ c thuê ngoài t i ch ã tăng liên t c, gi m t l b nhi m ng i qu n lý v an toàn và s c kh e c a chính doanh nghi p mình.
 - * Xu h ng thuê ngoài tăng lên theo nh ng doanh nghi p thuê t 300 ng i lao đ ng tr nên (đ n v : v trí): ('00) 45 → ('03) 405 → ('09) 892
 - Thi u môi tr ng qu n lý an toàn chung t i ch do h th ng qu n lý an toàn t nguy n đ c v n hành tr ng tâm nh ng c s l n h n

- Hi u qu c a d án gi m đi do vi c th c hi n tri n khai d án tách bi t.
 - Tác đ ng ph i h p ch a đ so các d án phòng tránh tai n n lao đ ng ví d nh h tr tài chính và k thu t, đào t o, h ng d n và ki m tra không đ c ti n hành m t cách có h th ng và liên k t v i nhau.
 - Hi u qu gi m đi do ch t p trung vào s c i thi n m t ph n c a m i d án trong khi duy trì khung c a các h th ng hi n có.

- Vi c đánh giá th c hi n và h th ng ph n h i ch a th a đáng.
 - Đ i v i h u h t nh ng d án h tr đ c B Lao đ ng và KOSHA ti n hành, vi c ki m tra và phân tích ho t đ ng c a nh ng doanh nghi p đ c h tr hàng năm r t khó khăn.
 - H th ng ph n h i không thích h p vì các d án đ c l p ho c h y b nh m đ t đ c các m c tiêu ng n h n h n là d a trên đánh giá khách quan v k t qu

- D án bi u hi n m c hi u qu th p t i n i làm vi c
 - Nh ng n l c c n thi t đ xây d ng văn hóa an toàn b b qua do t p trung vào các ph ng pháp t i p c n k thu t đ i v i vi c c i thi n các công c có h i và nguy hi m t i doanh nghi p.
 - Kho ng cách đào t o v an toàn và s c kh e gi a doanh nghi p l n v i doanh nghi p v a và nh b n i r ng và nh ng n l c nh m nâng cao m c đ nh n th c v an toàn và s c kh e v phía qu n lý lao đ ng là không đ .

* T l tuân th vi c đào t o v an toàn và s c kh e theo quy mô c a nhà s n xu t (kh o sát năm 2006 v xu h ng s c kh e và an toàn lao đ ng)

Quy mô	5~49 ng i lao đ ng	50~99 ng i lao đ ng	100~299 ng i lao đ ng	300~499 ng i lao đ ng	500 ng i lao đ ng tr lên
T l tuân th (%)	37.8	71.4	75.6	77.0	86.9

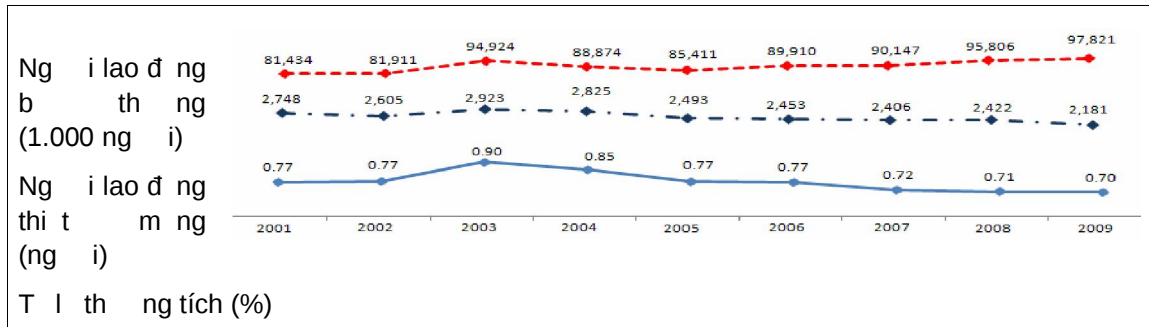
- Nh n ra k t qu c a d án đang b đình tr do tình tr ng ng i lao đ ng, nhà qu n lý và chính ph cùng v i các t ch c liên quan ch u trách nhi m phòng tránh th ng tích không ph i h p hành đ ng và không có nh ng chi n l c nh m đ a s c kh e và an toàn lao đ ng tr thành m t v n đ xã h i.

(1) Tình tr ng th ng tích

S

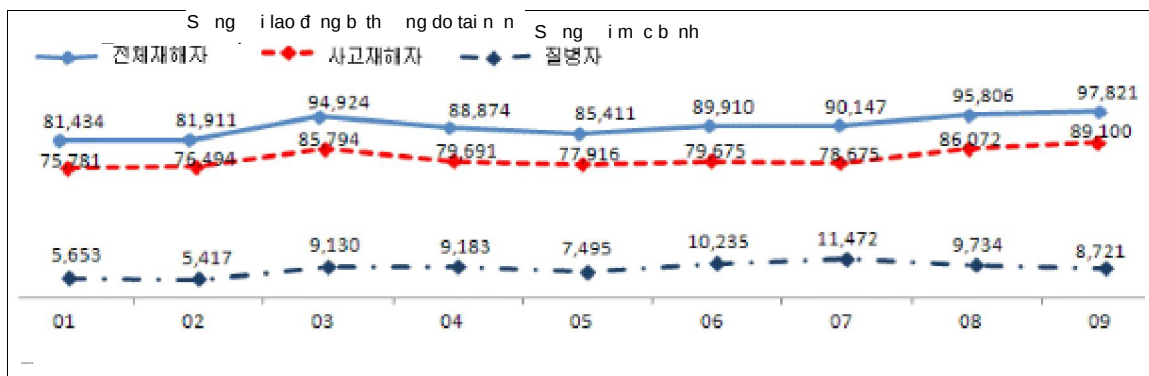
- T l th ng tích m c d i 1% vào năm 1995. Sau khi đ t đ c t l th p ch a t ng th y là 0,68% năm 1998, t l th ng tích tăng đ n, duy trì m c 0,7% t năm 1999 đ n hi n t i.

Xu h ng thay đ i c a s l ng lao đ ng b th ng,
thi t m ng và t l th ng tích



- S l ng các b nh ngh nghi p đã gi m k t năm 2007; tuy nhiên, l u ý r ng s l ng ng i b th ng do tai n n gi nguyên m c 80.000 m t năm sau năm 2003.

Xu h ng tai n n và b nh ngh nghi p theo năm



- S l ng ng i lao đ ng b th ng có xu h ng gi m hàng năm đ i v i doanh nghi p l n; ng c l i, s l ng này c a doanh nghi p nh đang tăng lên m i năm, do đó n i r ng kho ng cách t l th ng tích gi a doanh nghi p l n v i doanh nghi p v a và nh .

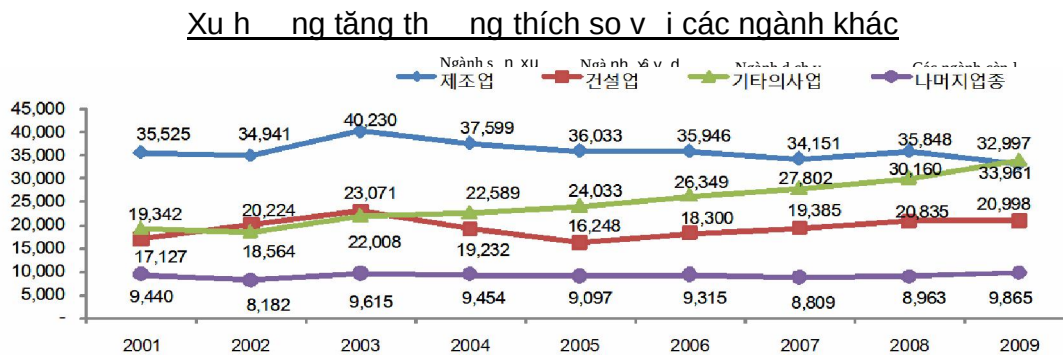
* Doanh nghi p nh có d i 50 ng i lao đ ng chi m x p x 98% (1.523.000 doanh nghi p) t ng s doanh nghi p (1.561.000 doanh nghi p) và chi m 79,5% (77.762 v) t ng s v th ng tích (97.821 v).

S nh n viên b th ng theo quy mô doanh nghi p (đ n v : ng i)

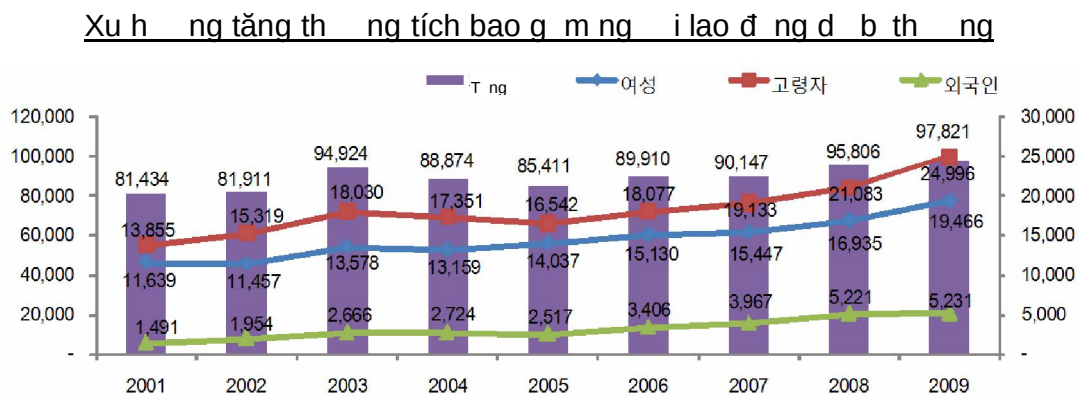
	'05	'06	'07	'08	'09
50 ~ 299 ng i lao đ ng:	14,899	14,760	13,731	13,709	13,661
▲ d i 50 ng i lao đ ng:	59,742	66,072	68,774	75,051	77,762

- Do cấu trúc ngành đang dần chuyển từ ngành sản xuất sang ngành dịch vụ, tỷ lệ thâm nhập tích trong ngành dịch vụ đang có xu hướng không ngừng tăng lên.

* Ngành dịch vụ chiếm 59% tổng số doanh nghiệp và 42% tổng số lao động; tổng số lao động trong ngành dịch vụ đã tăng 23% (19.342 lao động) năm 2001 lên 35% (33.961 lao động) năm 2009.



- Số lượng lao động bình thường trong số những người đi làm bình thường (người lao động nội địa) tăng hàng năm do những lý do như lao động không có chuyên môn, công việc có độ nguy hiểm cao và tỷ lệ luân chuyển công việc cao.



- Thị trường kinh tế do tai nạn lao động cao gấp 18 lần hao hụt sản lượng do những xung đột về quyền lợi lao động năm 2008; mức độ thị trường đang tăng hàng năm.

So sánh thị trường kinh tế trong 5 năm vừa qua

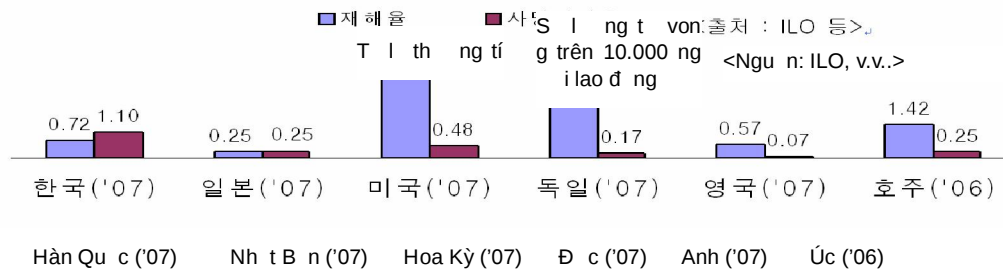
(Đơn vị: 100 triệu KRW)

Mức	'04	'05	'06	'07	'08
Thị trường kinh tế do tai nạn lao động	142,996	151,289	158,188	162,114	171,094
Số tiền đền bù cho tai nạn lao động đã thanh toán	28,600	30,258	31,638	32,423	34,219

Hao h t s n l ng do xung đ t v qu n lý lao đ ng	16,578	12,899	30,324	14,395	9,513
--	--------	--------	--------	--------	-------

Note	So sánh s v th ng tích v i các n c phát tri n
------	---

Vì có so sánh trực tiếp rất khó khăn do sự khác biệt về phương pháp tính; tuy nhiên, lưu ý rằng tỷ lệ thương tích khá thấp mặc dù số vụ tai nạn trên 10.000 người lao động khá cao.



O T I t vong do tai nạn lao động có thể so sánh quốc tế cao hơn xấp xỉ 6~10 lần so với các nước phát triển (Niên giám Thương kế Quốc tế năm 2004; T I t vong do tai nạn lao động cao nhất trên thế giới)

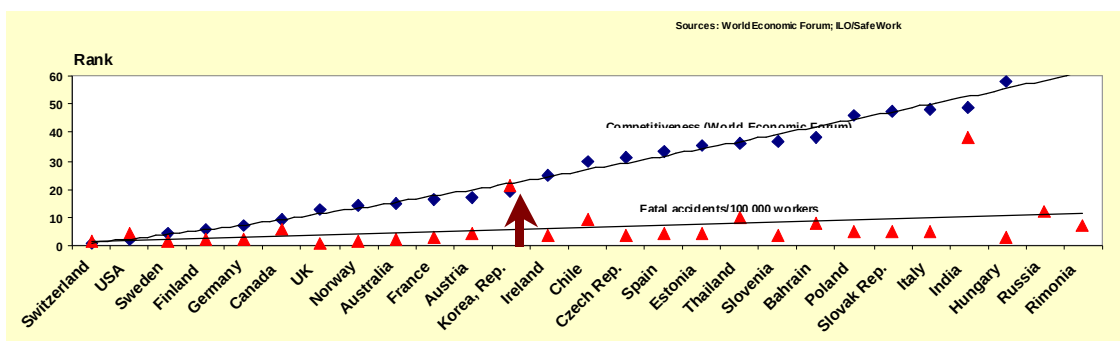
sánh số lượng tai nạn lao động trên 100.000 người lao động <2006, Số Thương kế Hàn Quốc>

Thấp nhất	Anh 0,7 Na Uy 1,3 Thụy Sĩ 1,4 Thụy Điển 1,6 Úc 2,0 Phần Lan 2,2
Trung bình	Ý 5,0 Canada 5,9
Cao nhất	Mexico 10,0 Thái Lan 10,1 Nga 12,4 Hàn Quốc 21,0

O T I t vong do tai nạn lao động này là quá cao ngay cả khi so sánh với các nước có tính cạnh tranh quốc gia thấp.

Xếp hạng cạnh tranh quốc gia ('08~'09 WEF)
và tỷ lệ tai nạn lao động ('06, ILO)

(Sức cạnh tranh quốc gia, ▲ Tỷ lệ tai nạn lao động)



(1) Tình trạng thực tiễn

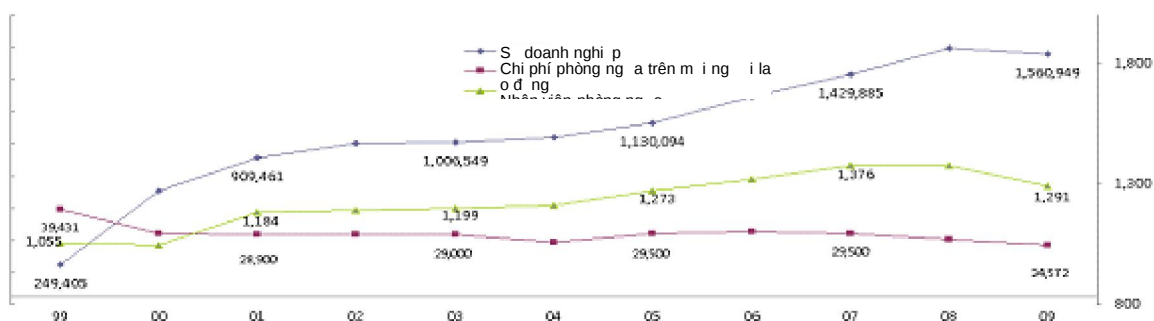
- (Khía cạnh chính trị) Mặc dù nguyên nhân và loại hình thực tiễn đa dạng do sự thay đổi cấu trúc ngành và hình thái lao động, vẫn còn nhiều yếu tố và phân hệ hình thức.
- Nội dung chính phần phát triển chính sách và phân bổ tại nhân lao động còn chắp vá.
 - Thiệt hại trong ngành doanh nghiệp thuê dưới 50 người lao động, chỉ 79,5% (77.762 v) tổng số thực tiễn.
 - * Doanh nghiệp thuê dưới 50 người lao động chỉ chiếm 98% (1.523.000 doanh nghiệp) tổng số doanh nghiệp (1.561.000 doanh nghiệp) và chỉ 79,5% (77.762 v) tổng số thực tiễn (97.821 v).
 - Còn nhiều gì hạn chế trong việc phòng tránh tai nạn lao động trong ngành dịch vụ luôn phát triển chế độ cung cấp hỗ trợ thu nhập từ công cộng trung vào các ngành sản xuất và xây dựng.
 - * Ngành dịch vụ có đặc điểm giảm nhiều người lao động di chuyển và không theo quy tắc; do đó khó khăn trong việc cung cấp hỗ trợ thu nhập từ công cộng trung vào các thị trường công cộng. Do vậy, ngành này không được hỗ trợ thu nhập.
 - Số lượng người lao động bất hợp pháp trong số ngành nghề dễ bị tổn thương (người lao động nhập cư, lao động nhập cư) tăng hàng năm do nhiều lý do như lao động không có chuyên môn, công việc có nguy hiểm cao và thiếu luân chuyển công việc cao. Tuy nhiên, sự quan tâm và đầu tư của chính phủ vào nhân lực này là một thách thức.
- Hệ thống đo lường môi trường công việc hiện tại không thể phát hiện vấn đề sớm; còn nhiều hạn chế trong việc xác định người lao động mắc bệnh nghề nghiệp ngay cả bệnh nghề nghiệp cụ thể khám sức khỏe định kỳ.
- Việc thiết lập và triển khai các kế hoạch phù hợp với mỗi vùng không thể miễn cưỡng do việc triển khai dựa trên mô hình cách thức đầu tư mà không xét đến đặc điểm của vùng và của ngành.

Đặc điểm thực tiễn theo vùng ('09)

Mức	Mức trung bình toàn quốc	Văn phòng tại Busan	Văn phòng tại Seoul
Phần trăm thực tiễn trong ngành sản xuất (phần trăm doanh nghiệp)	34% (17%)	26% (18%)	12% (21%)
Phần trăm thực tiễn trong ngành dịch vụ (phần trăm doanh nghiệp)	35% (62%)	15% (13%)	34% (40%)

- (Khía c nh pháp lý và h th ng) V n đ v ph m vi áp d ng Lu t S c kh e và An toàn Lao đ ng, c quan chu trách nhi m và ph ng pháp đi u ch nh đ c bi u l .
 - Còn nhi u h n ch trong vi c b o v ng i lao đ ng không chính quy, ng i lao đ ng đ c bi t và nh ng ng i lao đ ng d b th ng khác vì vi c b o v ch t p trung vào nh ng lao đ ng chính quy.
 - Các doanh nghi p l n chuy n r i ro tại n n lao đ ng cho nh ng doanh nghi p nh nh ph ng th c s n xu t đa d ng hóa bao g m ký h p đ ng nhi u c p.
 - H th ng phán quy t c a vi c x ph t và ph t ti n trên th c t không đ đ đóng vai trò nh m t chi n l c c ng ch thi hành lu t hi u qu ; ngay c tiêu chí đ x ph t ví d nh xác đ nh xem v n đ đó có mang tính qu c t ho c là khu y t đi m hay không cũng ch a rõ ràng.
- (Khía c nh tài chính) Gi m t l th ng tích b ng cách s d ng m c ngân sách hi n t i và tri n khai d án đ c t p trung vào h tr tài chính v n còn khó khăn.
 - Trong 10 năm qua k t năm 1998, s doanh nghi p là m c tiêu c a d án phòng tránh tai n n lao đ ng đã tăng lên; tuy nhiên, ngân sách liên quan và s nhân viên phòng ng a v n không thay đ i.
 - ▲ S doanh nghi p: ('99) 249,405 → ('09) 1,522,607, tăng lên 6.1 l n
 - ▲ S nhân viên phòng ng a: ('99) 249,405 → ('09) 1,291, tăng lên 1.2 l n
 - ▲ Chi phí phòng tránh tai n n lao đ ng trên m i ng i lao đ ng: ('99) 39.431 KRW → ('09) 24.572 KRW, gi m đi 0,7 l n

Chi phí phòng tránh tai n n lao đ ng trên m i ng i lao đ ng và t l th ng tích cùng v i s doanh nghi p tăng lên



- Trong khi ngân sách h tr tài chính bao g m các kho n vay và tài kho n tr c p cho 50% t ng ngân sách, ngân sách h tr tr c ti p đang b gi m đi t ng đ i.
 - * Các d án tài chính chi m g n 49,1% (170,1 t KRW, '09) t ng ngân sách, nh ng ch g n 0,4% (kho n vay: 728 c quan; c quan s ch: 4.831 c quan) có th h ng l i t s h tr này trong t ng s các doanh nghi p (1.560.000 doanh nghi p).

**Đánh giá các k ho ch tr c đó
và kh o sát tình hu ng hi n t i**

1 Tri n v ng v tình hình chính tr t ng lai

□ C u trúc l y ngành d ch v làm tr ng tâm

- C u trúc ngành đang đ c thay đ i, t p trung vào ngành th ba – ngành d ch v –thay vì ngành s n xu t và xây d ng do tác đ ng c a thông tin hóa, v.v..
- Do nh ng ti n b kinh t d a trên ngành d ch v trong khi ngành công nghi p d a trên tri th c đang đ c m r ng, ph n trăm c a ngành d ch v có xu h ng ti p t c tăng lên.
- * Ph n trăm trong GDP (%): ('95) 51.8 → ('00) 54.4 → ('06) 59.7 → ('07) 60.0 → ('08) 60.3
- * Ph n trăm v vi c làm (%): ('95) 54.8 → ('00) 61.2 → ('06) 66.2 → ('07) 66.9 → ('08) 67.6
- V n đ m i v an toàn và s c kh e bao g m b nh ngh nghi p và c ng th ng do ngh nghi p đ c đ tính s x y ra do s th ng tích tăng lên trong ngành d ch v .

□ B c vào xã h i có t l sinh th p và già hóa

- S tăng tr ng kinh t trì tr và gánh n ng tài chính tăng lên r t có kh năng là do vi c nhanh chóng b c vào xã h i có t l sinh th p, già hóa.
- T ng t l sinh năm 2009 là 1,21, m c th p nh t trong các qu c gia thành viên c a OECD; ng i 65 tu i tr lên chi m 9,3% t ng dân s .
- * '00 7,2% (Xã h i đang già hóa) → '18 14,3% (Xã h i già hóa) → '26 20,8% (Xã h i siêu già hóa)

Tri n v ng v s thay đ i trong c u trúc dân s

(Đ n v : 1.000 ng i, %)

M c	D đoán dân s năm '10	D đoán dân s năm '13	D đoán dân s năm '15	D đoán dân s năm '18	D đoán dân s năm '20
15 tu i tr lên	15,226	15,634	16,146	16,723	16,689
15-29 tu i	10,235	9,776	9,606	9,267	8,909
55-64 tu i	4,991	5,858	6,540	7,456	7,780

L u ý: “p” bi u th s d đoán dân s <Ngu n: S Th ng kê Hàn Qu c, Dân s t ng lai c tính, '09>

- Trong tương lai, đầu tư ở trung bình của nhóm ngành có khả năng sinh sản được tính sẽ tăng lên trong tất cả các ngành, trong khi nhóm ngành lao động chính (25~49 tuổi) sẽ giảm.
 - * Phần trăm nhóm ngành lao động chính so với tổng dân số: ('05) 42.8% → ('20) 36.6% → ('50) 25.5%
 - Liên quan tới vấn đề này, có thể xuất hiện nhu cầu ngày càng tăng đối với việc đề ra các biện pháp phân ánh lực lượng lao động đa dạng và cấu trúc việc làm để giải quyết các hoạt động phòng tránh tai nạn lao động.
- Các yếu tố có hại và nguy hiểm sẽ tăng lên do sự phát triển công nghệ.
- Các yếu tố có hại và nguy hiểm sẽ được tính sẽ tăng lên do sự phát triển công nghệ và hóa chất mới; đồng thời các biện pháp phòng ngừa cũng sẽ tăng lên.
 - * Số liệu thông hóa chất (đơn vị: triệu kg): ('01) 254 → ('03) 324 → ('05) 331 → ('07) 369
 - * Số liệu thông hóa chất (đơn vị: triệu tấn): ('98) 234.1 → ('02) 248.5 → ('06) 363.9
<Source: '08, Khảo sát về Tình hình thông tin của Bộ Môi trường >
 - Giảm thiểu sự tiếp xúc của người lao động liên quan đến việc sử dụng công nghệ mới và vật liệu mới trên nên cần thiết, ví dụ: các dự án quốc gia có quy mô lớn như dự án phân bổ 4 dòng sông chính và khuyến khích công nghiệp máy tăng trưởng xanh.
 - Do đó, cần phải xây dựng hệ thống hợp tác giữa các bộ phận liên quan để phát hiện sớm các yếu tố có hại và nguy hiểm để đề ra các biện pháp để phòng ngừa.
- Thay đổi tình hình nhu cầu nhân lực các quy định về an toàn và sức khỏe
- Khó có thể hy vọng doanh nghiệp sẽ quan tâm hơn và tăng đầu tư vào vấn đề an toàn và sức khỏe do sự cạnh tranh ngày càng tăng trên thị trường và sự gia tăng của các khủng hoảng tài chính.
 - Nhu cầu về các quy định thân thiện với thị trường và doanh nghiệp tăng lên; do đó xuất hiện nhu cầu thay đổi các chính sách để hướng dẫn nhà cung cấp sang chính sách để hướng dẫn người dùng.
 - Mặt khác, nhu cầu của chính phủ cung cấp hỗ trợ tích cực để quy định vấn đề thị trường tích cực không thay đổi và khuyến khích các doanh nghiệp gia tăng các biện pháp đang tăng lên.

- (Liên minh Châu Âu) tập trung vào việc xây dựng các nguyên tắc và mô hình thực tiễn đánh giá rủi ro.
 - Đề gi ̣m tại n ̣n lao đ ̣ng và b ̣nh ngh ̣ nghi ̣p xu ̣t hi ̣n trong Liên minh Châu Âu, “Chỉ n ̣l ̣c an toàn và s ̣c kh ̣e năm '09 ~ '13 của Liên minh Châu Âu-OSHA” đã đ ̣c thi ̣t l ̣p và tri ̣n khai.
 - Nhi ̣u n ̣l ̣c đ ̣c th ̣c hi ̣n nh ̣m đ ̣a ra m ̣t ph ̣ng pháp ti ̣p c ̣n chung bao quát toàn b ̣ l ̣c đ ̣a châu Âu, th ̣a m ̣n nhu ̣c u ̣v ̣ thông tin của ng ̣i dùng và đ ̣m b ̣o s ̣đáng tin ̣c y, tính minh b ̣ch, s ̣chính xác và khách quan của thông tin.
 - Các n ̣l ̣c t ̣p trung vào vi ̣c đánh giá r ̣i ro trong kho ̣ng th ̣i gian 2008~2009 và vi ̣c đánh giá r ̣i ro ph ̣i đ ̣c duy trì và m ̣r ng trong kho ̣ng th ̣i gian 2010~2011.
- (Anh) thúc đ ̣y m ̣i liên k ̣t gi ̣a các đ ̣án và nâng cao h ̣ tr ̣ cho các doanh nghi ̣p nh ̣.
 - Trong kho ̣ng th ̣i gian 2000~2010, C ̣ quan ki ̣m soát An toàn và S ̣c kh ̣e (HSE) đã đ ̣a ra m ̣c tiêu và chỉ ti ̣t của các chỉ n ̣l ̣c v ̣s ̣c kh ̣e và an toàn lao đ ̣ng.
 - Các ph ̣ng pháp ti ̣p c ̣n* m ̣i đ ̣c phát tri ̣n bao g ̣m các doanh nghi ̣p nh ̣ nh ̣m gi ̣m đáng k ̣t l ̣ tại n ̣n lao đ ̣ng và b ̣nh ngh ̣ nghi ̣p.
 - * Đ ̣a các doanh nghi ̣p v ̣a và nh ̣ vào nh ̣m c ̣n g ̣i báo cáo v ̣ tình tr ̣ng an toàn và s ̣c kh ̣e, xây đ ̣ng h ̣ th ̣ng ch ̣ng nh ̣n qu ̣n lý an toàn và s ̣c kh ̣e, áp đ ̣ng các m ̣c phí b ̣o hi ̣m tại n ̣n lao đ ̣ng khác nhau liên k ̣t v ̣i các công ty b ̣o hi ̣m, v.v..
 - Hi ̣u qu ̣c của đ ̣án đ ̣c nâng lên đ ̣a trên s ̣ liên k ̣t gi ̣a các ch ̣ng trình v ̣ tại n ̣n lao đ ̣ng, b ̣nh ngh ̣ nghi ̣p và các ch ̣ng trình khác của chính ph ̣.
- (Đ ̣c) t ̣p trung nâng l ̣c chính tr ̣ thông qua vi ̣c l ̣a ch ̣n và t ̣p trung.
 - Đ ̣p h ̣n ánh s ̣ thay đ ̣i trên toàn th ̣ gi ̣i, “các chỉ n ̣l ̣c v ̣s ̣c kh ̣e và an toàn lao đ ̣ng 2008~2012” đ ̣c thi ̣t l ̣p và tri ̣n khai nh ̣ nh ̣ng hành đ ̣ng ti ̣p theo bao g ̣m chỉ n ̣l ̣c chung đ ̣u tiên v ̣s ̣c kh ̣e và an toàn lao đ ̣ng.
 - T ̣p trung nâng l ̣c chính tr ̣ thông qua vi ̣c l ̣a ch ̣n và t ̣p trung b ̣ng cách l ̣p ra th ̣ t ̣u tiên cho các đ ̣án và các y ̣u t ̣ có h ̣i và nguy h ̣i m ̣.
 - N ̣l ̣c t ̣p trung vào vi ̣c thi ̣t l ̣p các chính sách phòng tránh tại n ̣n lao đ ̣ng hi ̣u qu ̣ và kinh t ̣ cho các doanh nghi ̣p v ̣a và nh ̣ và t ̣p trung vào vi ̣c ph ̣ bi ̣n hình nh ̣ tích c ̣ v ̣s ̣c kh ̣e và an toàn lao đ ̣ng.

- (New Zealand) nâng cao vai trò của chính phủ và thúc đẩy sự tham gia của các công đoàn địa phương.
 - Chi ngân sách xã hội và an toàn lao động năm 2015 sẽ được thí điểm để cải thiện nhận thức về an toàn và sức khỏe thể chất, xác định những ưu tiên của các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội trong việc cải thiện sức khỏe và an toàn lao động.
 - Vai trò và trách nhiệm của chính phủ về an toàn và sức khỏe thể chất các doanh nghiệp được làm rõ và điều chỉnh lại, đồng thời sẽ hợp tác chung giữa chính quyền địa phương và chính quyền trung ương để cải thiện.
 - Hỗ trợ thích hợp để cung cấp cho phép người lao động đưa các công đoàn địa phương cộng đồng vào vấn đề an toàn và sức khỏe trong các ngành và các công đoàn địa phương, tập trung vào việc nâng cao nhận thức và hiểu biết về an toàn và sức khỏe trong công đoàn địa phương.
- (Nhật Bản) thí điểm hệ thống đánh giá rủi ro và tăng cường cung cấp thông tin.
 - Chương trình phòng tránh thương tích cho người lao động được chính phủ, chủ sở hữu doanh nghiệp và người lao động thí điểm và triển khai trong khoảng thời gian 2008~2012 để xúc tiến các hoạt động phòng tránh thương tích tiềm ẩn.
 - Nâng cao hỗ trợ cho các doanh nghiệp và nhân viên thí điểm hệ thống đánh giá rủi ro và để ý đến việc cung cấp thông tin.
 - Tăng cường cung cấp thông tin về những ví dụ về thương tích và các yếu tố có hại và nguy hiểm để đảm bảo sự nhận biết bên trong của chương trình phòng tránh thương tích; các hoạt động phòng tránh thương tích này cũng để cộng đồng hành động cách nâng cao nhận thức của mọi người và doanh nghiệp để biết tầm quan trọng của việc phòng tránh thương tích.

≡

Các nước phát triển chính đã thí điểm các chiến lược trọng tâm dài hạn nhằm để phổ biến quy định thay đổi về tình hình chính trị.

- Hoạt động phòng tránh tai nạn lao động tiềm ẩn để chuyển hóa dữ liệu đánh giá rủi ro và sẽ hỗ trợ, tăng lên nhận thức về các thách thức.
- Hỗ trợ phòng ngừa hiu qu được xây dựng thông qua việc tạo các mạng lưới và sẽ hợp tác giữa chính quyền trung ương, chính quyền địa phương cùng với các thành phần kinh tế tư nhân và nhà nước.
- Để ý đến hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và nhóm tiềm ẩn.

Tầm nhìn và chiến lược triển khai

1

Hạng mục: Thay đổi mô hình chính trị

Bắt đầu từ các chính phủ hiện tại, tất cả những tích cực không thay đổi, không cách trong mô hình về an toàn và sức khỏe tăng lên và vì cơ sở quản lý các vấn đề an toàn.

Các mô hình chính trị cần được thay đổi để giải quyết nhu cầu thay đổi về môi trường, văn hóa và sức khỏe và an toàn lao động ngành hàng về các nhân tố phát triển.

- ☐ (Mục tiêu chính sách) Chiến lược và hành động → Chiến lược và hành động + Thay đổi nhân tố
 - Mục tiêu thành quan trọng văn hóa khi chuyển đổi nhân tố các chính sách doanh nghiệp và người lao động phải có tính bền vững và lâu dài, ví dụ: chiến lược và bổ sung luật và hành động.
 - Tập trung vào xây dựng hành động phòng ngừa tai nạn trên sự tham gia của chính sách doanh nghiệp và người lao động.
- ☐ (Điểm yếu) Hiện tại tập trung vào các doanh nghiệp lớn và người lao động chính quy. → Hiện tại tập trung vào các bộ phận dễ xảy ra tai nạn.
 - Để ngăn chặn các vấn đề phòng tránh tai nạn lao động không tập trung vào các doanh nghiệp lớn, người lao động chính quy và các loại hình kinh doanh nhỏ lẻ, hãy nhìn nhận trong việc cung cấp hỗ trợ chính trị để phân bổ cho các bộ phận dễ xảy ra tai nạn lao động.
 - Trong khi dự kiến hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ thuê dưới 50 người lao động, mục tiêu đầu tiên có thể thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa khác nhau.
- ☐ (Hành động phân phối) Hành động giám sát trung tâm là chính quy trung tâm → Phân quyền và đa dạng hóa
 - Thoát khỏi hành động phân phối chính sách giám sát các chính quy trung tâm và các tổ chức công nghiệp, phân phối quyền lý và đa dạng hóa hành động để phản ánh nhu cầu thực tế của các vùng và ngành khác nhau.
 - Chiến lược hành động phân phối để thúc đẩy sự tham gia của người dân bằng cách đưa chính trị vào vai trò của các thành phần kinh tế thị trường và xây dựng hành động thực hiện để đảm bảo là trung tâm.
 - Thay đổi vai trò của chính phủ từ việc tập trung vào cung cấp và quản lý từ cấp thành vai trò của nhà quản lý tổ chức chính trị, ví dụ: thị trường các chính trị, cung cấp thông tin và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tầm nhìn

Xây dựng công nghệ an toàn và hình thức mới trong lao động để giảm thiểu tai nạn và hình thức.

Mục tiêu

- Giảm số lượng tai nạn lao động xuống 60.000 vào năm 2014 → Đạt tỷ lệ giảm tích 0,5%.
- Thiệt hại về nhân lực an toàn và sức khỏe trên đánh giá rủi ro.

Hình thức

- Hiện thực hóa các hoạt động phòng tránh tai nạn tích cực ngay từ khi bắt đầu lao động và quản lý.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác thông qua sự tham gia của người dân.
- Đảm bảo môi trường cho các vùng dễ bị tổn thương.

Chiến lược và nhiệm vụ triển khai

Đưa các hoạt động phòng tránh tai nạn lao động tích cực ngay từ khi bắt đầu xây dựng các công trình và pháp lý.

- Xây dựng các cơ sở để thi hành pháp luật đánh giá rủi ro.
- Thiết lập hệ thống pháp lý và đảm bảo hiệu quả của hệ thống này.
- Giảm thiểu tai nạn lao động cùng với phòng ngừa.

Đa dạng hóa các hình thức phân phối dịch vụ thông qua việc tham gia và hợp tác.

- Xây dựng cơ sở quản lý sức khỏe và an toàn lao động.
- Phân bổ các hoạt động phòng tránh tai nạn tích cực các cấp độ vùng và ngành.
- Thúc đẩy sự tham gia của người dân vào các dự án phòng tránh tai nạn lao động.

Nâng cao hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt.

- Tăng cường kiểm soát tập trung các doanh nghiệp sản xuất các vật tai nạn nghiêm trọng và cơ sở tích cực.
- Tăng cường hỗ trợ cho các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động.
- Tăng cường an toàn của các máy móc và dụng cụ nguy hiểm.

Xây dựng hệ thống ưu tiên phòng tránh bệnh tật.

- Nâng cao hiệu quả quản lý.
- Cung cấp hỗ trợ cho các doanh nghiệp để xây dựng hệ thống phòng ngừa bệnh tật.
- Xây dựng hệ thống phòng ngừa các sự cố liên quan đến môi trường và tăng cường công tác quản lý.

Tiếp thu và tạo thói quen nhận thức về an toàn thông qua văn hóa an toàn để cải thiện.

- Đưa ra chỉ dẫn về văn hóa an toàn kết hợp với NGO.
- Thiết lập và triển khai các chiến lược đào tạo và PR chuyên biệt.
- Phân bổ việc trao đổi trong nội bộ và toàn cầu và cung cấp thông tin.

Nâng cao năng lực quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

- Nâng cao năng lực giám sát.
- Xây dựng hệ thống đánh giá thực hiện.
- Nâng cao sự hiểu biết về tai nạn lao động.
- Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp.

Nhiệm vụ chính

1. Đt ra các ho t đ ng phòng tránh tai n n lao đ ng t nguy n b ng cách xây d ng các c s h th ng và pháp lý

H th ng pháp lý hi n t i là h th ng qu n lý r i ro tiêu chu n đ t tr ng tâm vào s tuân th quy đ nh các tiêu chu n qu n lý và ph ng pháp đ xác đ nh cho m i lo i r i ro.

- o Đi u này khi n vi c đ i phó hi u qu v i các r i ro m i ph c t p tr nên khó khăn, đóng vai trò nh y u t góp ph n khi n ch s h u doanh nghi p và ng i lao đ ng b qua trách nhi m c a h .

Thúc đ y các ho t đ ng phòng tránh tai n n lao đ ng t nguy n c a ng i lao đ ng và c quan qu n lý b ng cách c i t l i lu t và h th ng đ a trên vi c đánh giá r i ro và b ng cách đ a ra h th ng b i th ng cùng v i phòng ng a.

(1) Xây d ng các c s đ thi t l p h th ng đánh giá r i ro

- Cung c p h tr cho vi c thi t l p h th ng qu n lý t nguy n t i doanh nghi p
- o Xây d ng h th ng qu n lý phòng ng a t nguy n trong đó trách nhi m c a vi c qu n lý an toàn và s c kh e toàn di n đ c giao cho ch s h u doanh nghi p và vi c qu n lý, giám sát các ho t đ ng t p trung vào k t qu c a vi c qu n lý t nguy n.
- * Kì m tra h th ng đ xác đ nh xem ch s h u doanh nghi p có t i n hành đánh giá r i ro và gi các tài li u liên quan không, có th c hi n các ho t đ ng an toàn và s c kh e th c t i n không và có đ m b o n l c và s thúc đ y t nguy n bao g m vi c tham gia c a ng i lao đ ng và c quan qu n lý hay không.

H th ng qu n lý r i ro hi n t i

- Tuân th tiêu chu n k thu t quy đ nh.
- Qu n lý theo m c.
- Các đi u kho n không linh ho t và quy đ nh gi ng nhau
- Thái đ th đ ng và ho t đ ng m t cách chi u l
- Qu n lý do chính ph ch đ o

H th ng qu n lý r i ro m i

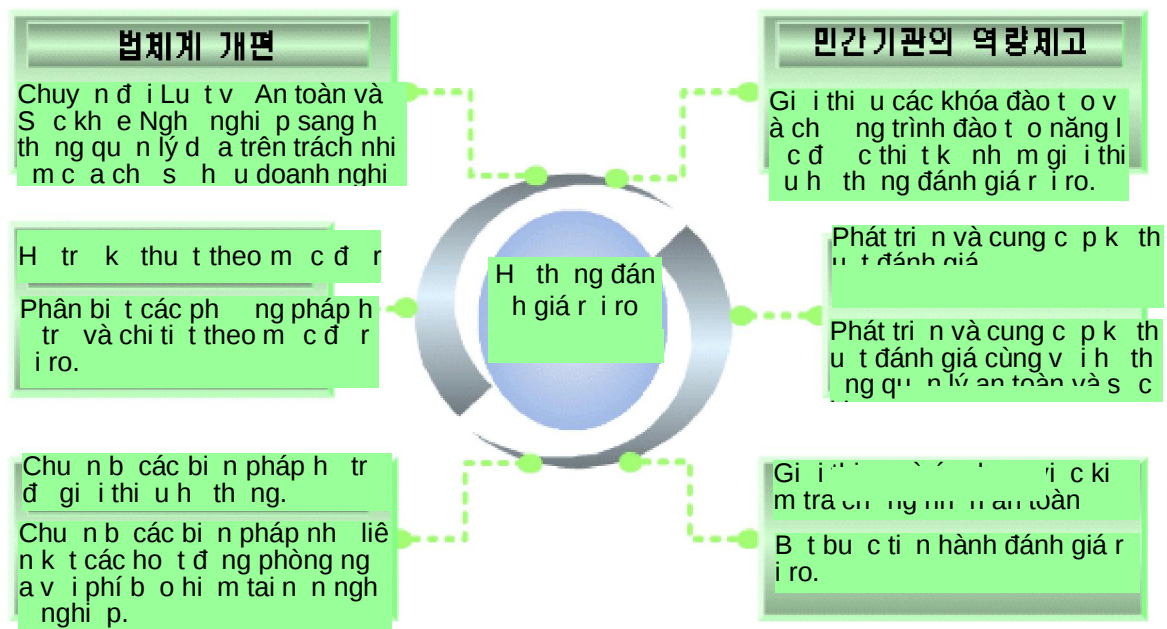
- Qu n lý r i ro đ a trên vi c th c hi n
- Qu n lý ch ng trình
- Các đi u kho n linh ho t và quy đ nh đ c đi u ch nh theo doanh nghi p
- Thái đ ch đ ng và ho t đ ng m t cách t nguy n
- Vi c qu n lý đ a trên trách nhi m c a ch s h u doanh nghi p

- Tr i n khai các đ án thí đi m c a h th ng đánh giá r i ro và phát tri n đ ng

th i cung c p k thu t và quy trình đánh giá r i ro đ d n d n m r ng h
th ng m t cách toàn di n.

- (Giai đo n 1) Ch n các qu n c th và doanh nghi p m u theo ngành và theo quy mô, tì n hành đào t o v các k thu t và quy trình đánh giá r i ro.
- (Giai đo n 2) Chu n b các ph ng pháp đ liên k t, c i tì n và b sung Lu t S c kh e và An toàn Lao đ ng, h th ng qu n lý an toàn và s c kh e, đ ng th i các h th ng h ng d n và ki m tra thông qua ho t đ ng thí đi m.
- (Giai đo n 3) Tuân th s a đ i c a các lu t liên quan nh m m r ng và thi t l p h th ng trên toàn qu c.

H th ng liên k t đ án đ c thi t k đ đ a ra đánh giá r i ro



□ Xây d ng h th ng h tr k thu t theo m c đ r i ro

- Gán m c đ r i ro* theo lo i th ng tích và nhóm r i ro th ng tích, đ ng th i phân bi t các ph ng pháp và chi ti t c a vi c h tr phòng tránh th ng tích theo m c đ r i ro.
- * Đánh giá kh năng th ng tích theo ngành và quy mô doanh nghi p, đ ng th i gán m c đ r i ro.
- Đa d ng hóa các ph ng pháp và chi ti t h tr đ phù h p v i lo i ngành, quy mô doanh nghi p và tình hu ng c a doanh nghi p thay vì cung c p h tr k thu t t p trung vào vi c c i tì n các công c .
- Cung c p h tr k thu t, tài chính và đào t o t p trung trong vòng 3~5 năm cho các doanh nghi p đ c ch n.

Phân loại pháp và chi tiêu theo mức độ rủi ro (ví dụ)

Mức	Doanh nghiệp đích	Phân loại pháp hệ thống	Chi tiêu hệ thống
Quản lý đặc biệt	-	Văn phòng địa phương	Hệ thống giám sát và quản lý
Rủi ro cao	30.000~50.000 doanh nghiệp	KOSHA trực tiếp tham quan trực tiếp	Hệ thống thu thập, tài chính, đào tạo và tài liệu
Rủi ro trung bình	60.000~100.000 doanh nghiệp	Các cơ quan địa phương dân sự trực tiếp tham quan	Hệ thống thu thập, tài chính, đào tạo và tài liệu
Rủi ro thấp	200.000~300.000 doanh nghiệp	Các tổ chức phòng tránh thiên tai, tổ chức nghiên cứu phòng ngừa v.v.. trực tiếp tham quan	Bình pháp sẵn sàng thực hiện cho các loại thiên tai tích hợp biến và tài liệu liên quan
Chung	1.100.000 c quan	-	Nâng cao văn hóa an toàn bằng cách cung cấp các tài liệu PR.

□ Cung cấp và mở rộng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe

- Mở rộng nội dung quản lý an toàn tới nguy cơ tiềm ẩn các doanh nghiệp thông qua việc cung cấp “hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe*” trên cơ sở của đánh giá rủi ro.
 - * Nếu người lao động và các quan quản lý địa phương hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe vào chính sách quản lý, ví dụ: việc quản lý tổ chức/cá nhân/quá trình sản xuất để phòng tránh tai nạn lao động một cách tốt nhất, có thể cung cấp ghi ý kiến nhận thông qua việc đánh giá.
 - Việc hành động hệ thống chính sách quản lý an toàn và sức khỏe để tăng cường hệ thống người lao động và các quan quản lý có thể tốt nhất nguy cơ để giảm thiểu các hoạt động an toàn và sức khỏe.
 - * Giới thiệu việc quản lý an toàn và sức khỏe có tham khảo hệ thống và mở rộng sự liên quan các doanh nghiệp nhằm để các hệ thống liên kết.
- Phát triển và cung cấp các mã kiểm soát để sử dụng để hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe tốt nhất nguy cơ tiềm ẩn doanh nghiệp.
 - Phát triển và cung cấp các tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro theo quy mô doanh nghiệp, loại doanh nghiệp và các yếu tố có hại, để tăng cường cung cấp các dịch vụ tham khảo cho doanh nghiệp và nhà.

(2) Tổ chức lại hệ thống pháp lý và dự kiến hiệu quả của hệ thống này

- Tổ chức lại hệ thống pháp lý để chuyển đổi thành hệ thống đánh giá rủi ro
 - Chuyển đổi hệ thống Luật Sắc khế và An toàn Lao động hiện tại sang hệ thống quản lý phòng ngừa rủi ro nguy cơ an toàn lao động-các quan quản lý thị trường có thẩm quyền áp dụng và phê bình hệ thống đánh giá rủi ro.
 - Kiểm tra sự chuyển đổi của một hệ thống luật hiện tại sang luật cũ (áp dụng đối với tất cả các loại doanh nghiệp và các yếu tố rủi ro nói chung) và các luật mới (ch áp dụng với các loại doanh nghiệp và yếu tố rủi ro cụ thể).
 - * Ví dụ : Luật pháp mới về hệ thống mới cách để cấp và chia các quy định về an toàn và sắc khế thành ▲ quy định về an toàn và sắc khế tại doanh nghiệp, ▲ quy định an toàn máy móc chung và ▲ quy định an toàn về máy móc xây dựng.
 - Điều chỉnh lại các tiêu chuẩn an toàn và sắc khế đã bị bỏ quên vì lý do quy định cũ và phân loại các tiêu chuẩn này thành các tiêu chuẩn sơ cấp quy định chi tiết và những tiêu chuẩn để quy định thông qua hàng ngày, đào tạo và giám sát những các pháp pháp chính trị.
 - Ngoài ra, áp dụng các pháp pháp quản lý đa dạng có khả năng nâng cao mức độ nhận thức về an toàn và sắc khế của các bên quan tâm thông qua đào tạo và các chiến dịch.
- Nâng cao tính hiệu quả của việc thực thi luật pháp
 - Chú trọng các pháp pháp thực tế để tuân thủ luật bằng cách ghi rõ thi u các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện trách nhiệm quản lý mới, ví dụ : áp dụng các khoản tiền phạt thực hiện bắt buộc.
 - Phân biệt mức phạt dựa theo đó là do cố ý hay lỗi và kiểm tra các pháp pháp như bố trí quản lý và/hoặc phán đoán trực tiếp về khả năng chấp hành của doanh nghiệp có thể lập lại việc vi phạm luật.
 - Hỗ trợ hệ thống kiểm tra báo cáo và hợp nhất việc kiểm tra và giám sát vào giám sát để dự kiến những việc tuân thủ luật và nâng cao mức độ thực hiện.

☐ Nâng cao trách nhiệm của các bên có quyền và/hoặc nghĩa vụ

- Mối ràng buộc và nâng cao nghĩa vụ báo cáo của người lao động của các nhà đầu tư chính và các cơ quan ra lệnh, nhà quản lý có quyền lực thực sự để hướng dẫn và/hoặc kiểm soát người lao động, để bền vững và rõ ràng.
- Mối ràng buộc về vị trí của người lao động, tất cả nhân viên có vị trí làm và mối quan hệ phụ thuộc với chủ sở hữu doanh nghiệp để nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo sự điều khiển của chủ sở hữu doanh nghiệp.
- Giảm thiểu tình trạng thuê ngoài bằng cách thực hiện biện pháp quản lý an toàn và sức khỏe bắt buộc với các doanh nghiệp liên quan quy mô nhỏ.
- * Giảm thiểu rủi ro các hình thức và mối ràng buộc của người lao động có xét đến quy mô doanh nghiệp và đặc điểm của ngành.

(3) Giảm thiểu rủi ro hình thức bóc lột cùng với phòng ngừa

☐ Chú ý bối cảnh trình bày thông tin và nội dung phòng ngừa

- Xem xét vị trí giảm thiểu rủi ro hình thức bóc lột phòng ngừa, tạo ra quản lý sức khỏe và an toàn lao động tự nguyện của doanh nghiệp như bằng cách khuyến khích các phí báo hiểm tại nơi lao động và nội dung phòng ngừa tại nơi làm việc.
- * Ví dụ về nội dung phòng ngừa thực tế tích cực: Thỏa thuận hợp tác giữa doanh nghiệp và các nhà đầu tư, doanh nghiệp đã tham gia KOSHA 18001, doanh nghiệp không thực hiện tích cực, v.v..
- Xem xét vị trí tiếp cận để giảm thiểu phí báo hiểm tại nơi lao động cho các doanh nghiệp tích cực tiến hành các nội dung phòng ngừa thực tế tự nguyện bằng cách giảm thiểu rủi ro đánh giá rõ ràng.

2 Đa dạng hóa các hình thức phân phối dịch vụ thông qua việc tham gia và hợp tác

Nhu cầu hỗ trợ công bố ghi nhận, vui lòng nâng và năng lực của người dân tham gia do họ đã đóng góp đáng kể cho nhà cung cấp tập trung vào B Lao động và KOSHA.

Xây dựng việc quản lý sức khỏe và an toàn lao động để hình thức đa dạng hóa việc tham gia của các bên quan tâm khác nhau và nâng cao sự hợp tác.

- Đưa ra các đề án phòng tránh tình hình khác nhau tại các cấp độ vùng và ngành.
- Khuyến khích việc tham gia vào các đề án liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động, đa dạng hóa nhà cung cấp và cải thiện chất lượng dịch vụ bằng cách mở rộng vai trò của người dân và nâng cao năng lực.

Xây dựng bộ máy đi u hành cho v n đ s c kh e và an toàn lao đ ng

- Xây dựng mạng lưới sức khỏe và an toàn lao động theo vùng
 - Build and operate 「RSHC: Trung tâm An toàn & Sức khỏe Khu vực cho mạng lưới các doanh nghiệp nhỏ」 (tên tạm thời).
 - Đưa ra chỉ định dịch vụ an toàn và sức khỏe cùng tham gia để các đối tượng liên quan đến an toàn và sức khỏe trong mạng lưới khu vực tham gia.

Hình thức và vai trò triển khai đề án (ví dụ)



- Mạng lưới giám sát các đề án bao gồm hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ PR, nghiên cứu, thí nghiệm và kiểm tra liên quan đến quản lý an toàn và sức khỏe.

- Tăng cường mối quan hệ và hợp tác giữa chính quyền trung ương và địa phương.
 - Các cơ quan liên hệ giữa các chính sách liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động sẽ đồng hành để đồng chính sách vì công nhân và các hành động vì công nhân địa phương hiện tại.
 - Thiết lập chính sách chuyên về phòng tránh thương tích theo vùng, theo vị trí làm việc liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động, mở rộng văn hóa an toàn đến các vùng và phân chia các cuộc thảo luận.
 - Xây dựng hệ thống hợp tác với các khu liên hợp quốc gia/trong vùng và các hành động phát triển nguồn nhân lực cho mỗi ngành và sẽ đồng hành đồng bộ như một hệ thống phân phối chính sách sức khỏe và an toàn lao động trong mỗi ngành.
 - Mở rộng đến các trung tâm sức khỏe ngành tại khu vực (Bệnh Lao động và Bụng và An sinh) trong các vùng phân ngành chính và đưa ra các chương trình hợp tác liên kết với các phòng khám sức khỏe như khu vực khác khu liên hợp ngành.
- Hỗ trợ việc xây dựng các hệ thống hợp tác về sức khỏe và an toàn lao động chung giữa người lao động-quản lý.
 - Hỗ trợ để mở rộng nền tảng bên trong cho việc vận hành hệ thống nội bộ giám sát an toàn lao động danh dự.
 - Có tình hình hệ thống để có thể điều chỉnh sự giám sát danh dự theo quy mô doanh nghiệp; do đó mở rộng sự tham gia của người lao động vào các hoạt động an toàn và sức khỏe.
 - Chọn lựa chương trình để vận hành và phân chia các khóa đào tạo phù hợp với đặc điểm của mỗi ngành và nâng cao sự nền tảng bên trong bằng cách để ý đến việc trao đổi thông tin thông qua việc thành lập các hành động trung tâm.
 - Mở rộng việc tham gia của ủy ban sức khỏe và an toàn lao động để giữ thị trường hệ thống đánh giá rủi ro tại doanh nghiệp và tìm cách cung cấp hỗ trợ.
 - Tăng cường sự tham gia của người lao động và quản lý trong việc thiết lập và phát triển các dự án trong đó Ủy ban Sức khỏe và an toàn lao động và Tổ chức Lao động Hàn Quốc trở thành các bộ phận chính.

(2) Tái th c hi n các ho t đ ng ngăn ng a th ng tích c p đ khu v c và ngành

- ☐ Tri n khai các đ án ngăn ng a tai n n lao đ ng trong vùng
 - Lên k ho ch cho nh ng đ án phù h p v i đ c đi m c a t ng vùng và cân nh c vi c đ a chúng vào m t h th ng h tr .
 - Lên k ho ch cho các đ án phòng tránh th ng tích trong vùng có s tham gia c a t t c các c quan ch u trách nhi m phòng tránh th ng tích c a khu v c*. H p tác và ph i h p cùng v i các tr s chính.
 - * Các c quan ch u trách nhi m phòng tránh th ng tích: Văn phòng đ a ph ng, chính quy n đ a ph ng, tr s c a KOSHA trong vùng, c quan phòng tránh th ng tích dân s , t ch c phòng tránh th ng tích, v.v....
- ☐ Xây d ng các ph ng th c phòng tránh c p đ ngành
 - Xây d ng các ch ng trình phòng tránh th ng tích cho t ng ngành và s d ng h i đ ng phát tri n nhân s làm nhân t th c hi n chính cho t ng b ph n (h i đ ng b ph n).
 - Ph i h p phát tri n các ch ng trình và khóa đào t o theo ngành, lo i hình công vi c và h tr cho các ho t đ ng phòng tránh th ng tích.
 - * H i đ ng b ph n: H i đ ng phát tri n nhân s dân s ch đ o bao g m các t ch c kinh doanh, doanh nghi p đ i di n, nhóm tr ng đ i h c có liên quan và các t ch c nghiên c u chuyên nghi p. Các h i đ ng b ph n đ c thành l p cho 19 ngành công nghi p l n, bao g m ngành đóng tàu, đi n và đi n t , thép, c khí, ô tô và đ t.
 - Ti p t c các đ án phòng tránh có hi u qu , k t h p v i các khu liên h p công nghi p qu c gia (47 đ a đi m).
 - T ch c m t h i đ ng có s tham gia c a các t ch c dân s và doanh nghi p nh và cung c p hình th c h tr theo gói cho các đ án tìm ngu n cung ng ngoài và d ch v t v n c a chính ph .
 - * Tình tr ng c a các khu liên h p công nghi p (08/09): S l ng khu liên h p (47 khu), S l ng doanh nghi p (37.093 doanh nghi p), S l ng nhân viên (783.213 ng i)

(3) Đ y m nh s tham gia c a ng i dân vào các đ án phòng tránh tai n n lao đ ng

- ☐
 - Đ đ y m nh s tham gia c a ng i dân, t t t ch c l i h th ng tri n khai đ án b ng cách đi u ch nh l i các ch c năng và vai trò c a B Lao đ ng, KOSHA và các c quan phòng tránh th ng tích dân s .

- Cân nhắc vì các chuyên gia giao cho người dân những trách nhiệm và các năng lực có tính chất thi đua hoặc những gì mà người dân có thể thực hiện một cách hiệu quả và sẵn lòng chấp nhận những hình phạt các dự án.

□ Tăng cường năng lực các cá nhân phòng tránh những tác động tiêu cực

- Tìm kiếm những phương pháp nhân văn để quy mô và phạm vi các dự án và đưa ra những đề nghị khác biệt bằng cách xây dựng những thói quen đánh giá tích cực và khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá.

* Phát triển những công cụ giúp đánh giá các cá nhân, chuyên viên và mức độ hài lòng của người dùng, để người thi giúp xác định hiệu quả của việc phòng tránh những tác động tiêu cực; hỗ trợ những chủ đề liên quan đến các tác động của dự án.

- Khuyến khích hoạt động sáp nhập & thu mua (M&A) hoặc liên minh chiến lược giữa các cá nhân dân sự nhằm cung cấp tính chuyên nghiệp và năng lực của các cá nhân dân sự.

* Ví dụ: Plimsoll, một công ty nghiên cứu của Anh, đang cung cấp dữ liệu phân tích quản lý các mối nguy hiểm M&A giữa các cá nhân dân sự và an toàn lao động và các cá nhân có liên quan đến nó.

- Xây dựng và triển khai các khóa đào tạo kỹ thuật (Trung tâm Đào tạo của KOSHA) nhằm đào tạo ra các chuyên viên dân sự trong môi trường văn phòng: an toàn, y tế, xây dựng và vệ sinh.

* Đánh giá các dự án kỹ thuật (chấm hình sao) về hoạt động quản lý an toàn và sức khỏe do chính phủ cấp và nó. Ghi lại các kết quả đào tạo nhằm để các nhà lãnh đạo nhận được quan điểm về sự đồng ý của chính quyền chi trả.

- Xây dựng các khóa đào tạo hoặc đưa ra những thói quen tốt để giảm thiểu những hoạt động đánh giá rủi ro.

- Tăng mức hỗ trợ tài chính, bao gồm mức chi phí nghiên cứu & phát triển (R&D) cho các nhà sản xuất phụ gia thực phẩm và thị trường nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm an toàn và có chất lượng tốt để cung cấp phản hồi từ các khu công nghiệp.

* Khoảng 47% các nhà sản xuất thị trường thực phẩm và trang thiết bị thực phẩm lao động (605 công ty) là những doanh nghiệp nhỏ, có dưới 10 nhân viên; hầu hết thị trường R&D và có khả năng tài chính vô cùng yếu.

□ Hỗ trợ khả năng tạo ra các biện pháp tăng cường nhân sự tham gia vào các hoạt động phòng tránh tại nơi làm việc

- Tìm cách hỗ trợ cho các doanh nghiệp tuyển dụng người quản lý an toàn và sức khỏe mới.

- Phát triển và thực hiện những mô hình dự án phòng tránh những tác động tiêu cực, sử dụng nhân viên nghiệp vụ cũng như những người đã từng làm việc về quản lý an toàn/sức khỏe hoặc từng tham gia chuyên ngành an toàn/sức khỏe hiện đang tham gia.

S l ng nh ng v th ng tích c a các ngành “d ch n th ng” truy n th ng, nh xây d ng và s n xu t, ch a gi m đi.

- o S v th ng tích c a ngành d ch v đang có xu h ng gia tăng, do s tăng tr ng h ng ngo i.

Xây d ng và tri n khai các ch ng trình phòng tránh th ng tích phù h p v i đ c đi m c a ngành, nh xây d ng, s n xu t, hóa ch t và d ch v , và tăng c ng s h tr c a chính quy n cho các doanh nghi p nh , d g p ph i tại n n lao đ ng.

(1) Tăng c ng ki m soát t p trung các doanh nghi p x y ra các v tai n n nghiêm tr ng và có s th ng tích tăng

- (Ngành xây d ng) Đ y m nh công tác qu n lý an toàn theo giai đo n và trách nhi m trong công vi c xây d ng.
 - o Đ y m nh công tác qu n lý an toàn trong giai đo n đ t hàng, thi t k , giám sát và xây d ng nh m đ m b o m c đ an toàn c b n c a công vi c xây d ng.
 - Đ ngh xây d ng h th ng qu n lý có liên quan đ n an toàn và ch t l ng cho các doanh nghi p công c ng và t ch c bán công, đ ng th i tri n khai m t h th ng tính toán và thông báo v t l th ng tích cho t ng t ch c s p x p công.
 - Đ trình các k ho ch phòng tránh r i ro và thi t h i đ i v i nh ng công vi c b t bu c ph i s d ng công ngh và/ho c ph ng th c m i và chia nh các công vi c theo k ho ch đ c đ trình.
 - * (Nhóm 1: tr s c a KOSHA) Công vi c r t l n, nh : k t c u siêu cao, đào sâu và thi công c u dài và r ng, (Nhóm 2: K s t v n, t v n viên v k thu t đ c ch ng nh n, v.v...) Các công vi c không thu c nhóm 1
 - o Thay đ i ph ng th c l a ch n bên t v n đ c i ti n h th ng cung c p d ch v t v n k thu t thông qua các t ch c phòng tránh th ng tích dân s t i nh ng đ a đi m thi công, và xây d ng các ch ng trình qu n lý hi u qu công vi c.
 - * Công vi c đ đi u ki n s d ng d ch v t v n k thu t: Công vi c v i h p đ ng có giá tr t 300 tri u won tr lên, nh ng không đ i 12 t won (15 t won đ i v i công vi c xây d ng dân d ng)
 - Do ph ng th c tr c ti p l a ch n nhà th u hi n nay còn t n t i nhi u v n đ , nh giá tr ng h p đ ng th p và vi c thi công đ c l p b h n ch , h y thay đ i h th ng l a ch n (c quan s p x p ho c c quan qu n lý riêng bi t).

- Làm rõ trách nhiệm và vai trò của nhà thầu, các quan sát độc lập và các đội thi công khác tham gia vào công việc xây dựng.
 - Phân tách trình độ của người quản lý an toàn để tăng cường công tác quản lý an toàn, nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi trong môi trường xây dựng, nhu cầu hình thành các công trình trên nền cao hơn, lớn hơn và đa năng hơn.
 - * Phân tách trình độ của người quản lý an toàn theo kinh nghiệm, mức độ khó khăn, phạm vi xây dựng và rủi ro bằng cách thiết lập một danh sách phân loại bằng cấp kỹ thuật các kỹ sư xây dựng để mô tả trong Luật Quản lý Công nghệ Xây dựng.
 - Đặt vị trí giám sát viên chịu trách nhiệm quản lý an toàn trở thành một thành viên của ban và bổ sung nội dung sức khỏe và an toàn nghề nghiệp vào các chế độ đào tạo.
- Làm rõ và đi sâu phân tích lý do tính toán và quản lý các chi phí quản lý an toàn và sức khỏe.
 - Cân nhắc sự đóng góp của các tính toán có xét đến giá trị hợp đồng xây dựng, độ khó và mức rủi ro.
 - * Xem xét và chia nhỏ các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến mức rủi ro khi xây dựng, như loại kết cấu, độ cao, độ sâu đào và tải trọng.
 - Tăng cường vị trí đầu tư của Bộ Lao động và các cơ quan khác có liên quan để hỗ trợ chi tiêu công tác quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp phát sinh.
 - * Kiểm tra chi tiêu các chi phí quản lý sức khỏe và an toàn phát sinh, thay vì chỉ kiểm tra xem các chi phí này có phát sinh hay không. Thiết lập một quy trình kiểm tra chi tiêu các chi phí quản lý sức khỏe và an toàn để xác định mức độ phù hợp của những chi phí phát sinh, như những thay đổi trong doanh nghiệp đó có duy trì quản lý chi phí không thỏa đáng.
- (Ngành sản xuất) Hỗ trợ phân tách theo loại và nguyên nhân gây thương tích.
 - Phân tách phạm vi và chi tiêu hỗ trợ phòng tránh thương tích theo mức rủi ro cùng đánh giá rủi ro.
 - Đa dạng hóa các phạm vi và chi tiêu hỗ trợ cho phù hợp với loại hình công việc, phạm vi và thiết bị của doanh nghiệp để các hình thức hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào việc cải thiện các thiết bị hiện có.

- Phân bổ hợp lý ngân sách theo bộ phận và tăng cường sự hỗ trợ có xem xét đến tính hiệu quả tích theo loại hình công việc để phân tách.

* Do sự biến động về sản xuất máy móc và động cơ chỉ 23,29% (30,4 triệu won) tương đương cho ngành sản xuất (bao gồm hỗ trợ tài chính), nên việc hỗ trợ cần được mở rộng cho những loại hình công việc khác.

□ (Ngành dịch vụ) Chuyên biệt về hình thức thu hút.

- Xây dựng chương trình hỗ trợ (ký Biên bản Ghi nhớ, chào bán công khai, v.v...) phù hợp với đặc điểm của ngành dịch vụ, ngành nghề có tính cạnh tranh gia tăng.
 - Theo đuổi những dự án hợp tác với các hội đồng cho từng loại hình công việc hoặc dự án tăng cường phát triển “chương trình đào tạo thẩm quan”, cùng với các tài liệu và khóa đào tạo chu đáo và đưa ra những hình thức hỗ trợ đào tạo cần thiết.
 - * Do ngành dịch vụ có đặc thù là di chuyển thường xuyên và gia tăng việc bắt tay vào công việc, nên việc nâng cao ý thức về an toàn thông qua đào tạo, hỗ trợ đồng quan hệ công chúng (PR) và các chiến dịch có ý nghĩa quan trọng hình thành hình thức thu hút thông qua các chiến lược.
- Phát triển và cung cấp mô hình dự án phòng tránh những cạnh tranh cho từng loại hình công việc qua việc hiểu chính xác tình hình của ngành dịch vụ (kiểm tra các hình thức có liên quan, tình trạng quản lý sức khỏe và an toàn và mức độ yêu cầu dự án).

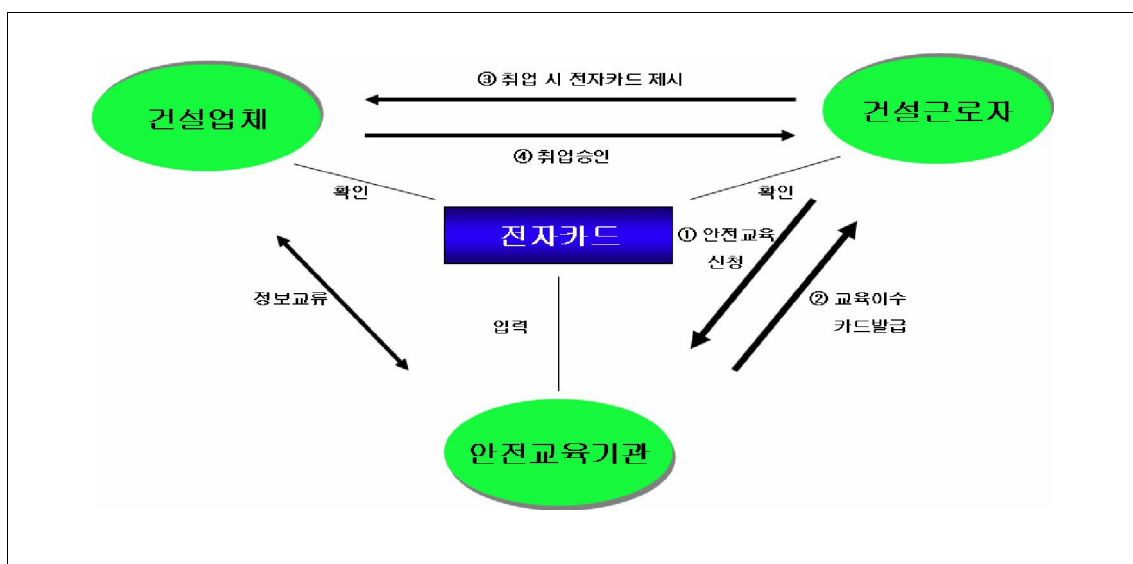
□ (Ngành hóa chất) Mở rộng việc ứng dụng PSM và cải thiện hình thức.

- Điều chỉnh các loại hình công việc và vật liệu ứng dụng PSM để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với thực tế; mở rộng các vật liệu ứng dụng PMS lên ngành công nghiệp các ngành tiên tiến.
 - Mở rộng vật liệu ứng dụng PSM đối với các vật liệu dễ cháy nổ trong nhà và sản phẩm công nghiệp để kiểm soát môi trường làm việc.
 - * Loại vật liệu phù hợp với việc áp dụng PSM: Hàn Quạt (21 loại), Hoa Kỳ (137 loại), EU (38 loại)
 - * Các Hoa Kỳ và EU, những nơi đã sử dụng PSM lâu, cũng có xu hướng ứng dụng PSM tập trung vào vật liệu.
- Liên tục cải thiện hình thức để tăng cường hiệu quả về việc sử dụng PSM.
 - Sử dụng hợp lý các tiêu chuẩn đối với các tài nguyên lao động và tiến hành những hành động cần thiết, những động lực để nâng cao sức khỏe cho đến khi việc kiểm tra PSM hoàn tất.

(2) Tăng cường hỗ trợ cho các bộ phận dân cư tại nơi lao động

- Xem xét các đặc điểm lao động khi thực hiện các chỉ tiêu
 - (Nhân viên không tham gia xuyên) Tiến hành đào tạo về sức khỏe và an toàn phù hợp với đặc điểm của nhân viên xây dựng làm việc theo ngày công để loại hình công việc, thay vì công việc doanh nghiệp.
 - Đào tạo an toàn cho nhân viên xây dựng trước khi tuyển dụng và ghi lại chi tiết đào tạo trong sổ. (tên tạm thời: Hệ thống “Thẻ xanh”)

Hệ thống đào tạo an toàn công dân



- Tiến hành đào tạo thí điểm tại công trường của những doanh nghiệp lớn để thực hiện hình thức mới cách có hiệu quả và đảm bảo rằng việc đào tạo đã nhận được công trường chấp thuận. Tổng thể này, xem xét việc chấp thuận của luật*.
- * Xem xét số lượng mới phân chi phí quản lý an toàn tiêu chuẩn (1,24 ~ 2,48% tổng chi phí xây dựng) cho việc đào tạo an toàn công dân.
- Để thúc đẩy các doanh nghiệp và nhà tham gia vào hoạt động đào tạo về sức khỏe và an toàn, hãy đảm bảo rằng việc đào tạo, tùy theo mức tiêu chuẩn đào tạo và loại hình công việc.

- (Lao động nh p c) Xác định các v n đ trong vi c ti p nh n thông tin v s c kh e và an toàn do rào c n ngôn ng .
 - Cung c p các báo cáo y t đ c bi t và tài li u k thu t đ c vi t b ng b n ng , xây d ng trang web v s c kh e và an toàn trên Internet và m r ng d ch v phiên d ch đ i v i các ki m tra y t đ c bi t.
 - * H p tác cùng các Trung tâm Vi c làm (55 trung tâm), vi n đào t o vi c làm (Suhyup (Liên hi p Ng dân Qu c gia), Nonghyup (Liên hi p Nông nghi p Qu c gia), Hi p h i Xây d ng Hàn Qu c và Liên đoàn Doanh nghi p V a và Nh Hàn Qu c), Trung tâm Lao đ ng Nh p c (5 trung tâm), T ch c Phi Chính ph (NGO), v.v....
 - (Lao động cao tu i) Phát tri n và cung c p các k thu t c i ti n quá trình làm vi c và tiêu chu n s c kh e và an toàn, có tính đ n các đ c đi m th ch t.
 - (Lao động n) Phát tri n và phân ph i các h ng d n v s c kh e và an toàn đ i v i nh ng công vi c có h u h t lao đ ng là n a và các ch ng trình chăm sóc s c kh e cho nh ng lao đ ng tham gia vào lĩnh v c d ch v .
- Tì p t c các d án c ng tác v qu n lý s c kh e và an toàn nh ng doanh nghi p v a và nh
- H tr vi c qu n lý s c kh e và an toàn t i nh ng doanh nghi p v a và nh d i hình th c c ng tác b ng các h t ng v s c kh e và an toàn c a các doanh nghi p l n (nhà th u ph) và t ch c s h u kinh doanh (doanh nghi p thành viên).
 - * Th c hi n các ch ng trình qu n lý mang tính phòng tránh, cung c p các khóa đào t o v s c kh e và an toàn, th ng xuyên t v n và duy trì các kênh trao đ i v s c kh e và an toàn lao đ ng. Tì n hành qu n lý đ c bi t đ i v i các nhóm có r i ro cao.
- Tăng c ng h tr v qu n lý s c kh e và an toàn cho các doanh nghi p m và nhà th u ph
- T ch c m t h i đ ng g m các ch s h u doanh nghi p m và nhà th u ph và giúp ch đ nh ng i qu n lý s c kh e và an toàn và tì n hành th sát th ng xuyên t i n i làm vi c.
 - * Doanh nghi p m s xây d ng và qu n lý các m c tiêu gi m th ng tích hàng năm đ i v i nhà th u ph . Khen th ng các doanh nghi p có thành tích t t và có hình th c qu n lý đ c bi t v i doanh nghi p ch a đáp ng đ c yêu c u.
 - Cân nh c hình th c h tr v tài chính t doanh nghi p m trong tr ng h p nhà th u ph đ u t vào vi c c i ti n c s s c kh e và an toàn và

b o lãnh khi nhà th u ph c g ng vay n .

(3) Công cụ để đảm bảo các máy móc và thiết bị nguy hiểm

- ☐ Mục đích của việc kiểm tra và chứng minh an toàn và tăng cường mức độ hiểu biết
 - Đưa ra “hệ thống đánh giá an toàn”, đây là hệ thống đưa ra việc đánh giá rủi ro đối với các máy móc và thiết bị công nghiệp phức tạp trở thành yêu cầu bắt buộc.
 - Phân loại sản phẩm vào các hệ thống này cho phù hợp với chứng minh an toàn và đánh giá rủi ro bắt buộc, tùy theo mức độ rủi ro của các sản phẩm, từng trường hợp ĐuCE của Châu Âu.
 - * Các máy nguy hiểm được phân loại theo thiết bị ép: Chứng minh an toàn bắt buộc của nhà sản xuất (hệ thống hỗ trợ)
Máy công nghiệp khác: Nhà sản xuất tự tiến hành đánh giá rủi ro.
 - Hỗ trợ, có nghĩa là được bắt buộc phải đặt các thiết bị bảo vệ và an toàn. Xem xét việc áp dụng yêu cầu từng trường hợp của nhà sản xuất.
 - Xây dựng một chương trình có phân tách các tiêu chí quy định việc kiểm tra và tiêu chí hành động theo mức độ quan trọng của yếu tố an toàn.
- ☐ Toàn cầu hóa các tiêu chí kiểm tra và chứng minh an toàn
 - Hỗ trợ xây dựng tiêu chí chứng minh an toàn như mô tả trong Luật Sức khỏe và An toàn Lao động, Tiêu chuẩn Hàn Quốc (KS), từng trường hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, v.v...).
 - Xây dựng hệ thống hỗ trợ cho các nhân viên kiểm tra phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo công bằng và đáng tin cậy của kết quả kiểm tra.
 - Đẩy mạnh hiểu biết và trạng thái của các hệ thống nội địa và cung cấp các hình thức hỗ trợ cho thiết bị các sản phẩm được chứng minh nội địa có thể dễ dàng nhận được chứng minh nội địa ngoài (CE, v.v...).

4 Xây dựng hệ thống quản lý ưu tiên phòng tránh bệnh tật

Vì các sản phẩm hóa chất đã có hại và sẽ phát triển các vật liệu mới và phương thức mới trong toàn ngành đang có chi phí hàng gia tăng.

- Tuy nhiên, cần lưu ý rằng vì các đối phó mới cách có hiệu quả trước những thay đổi của môi trường nên hệ thống pháp lý và quản lý sẽ khó khăn.

Xây dựng hệ thống ưu tiên phòng tránh bệnh nghề nghiệp bằng cách lập danh sách quản lý theo hệ thống để ví các bệnh nghề nghiệp.

- Nâng cấp hệ thống quản lý mối nguy hiểm và nguy hại, mở rộng hệ thống để hình thức dịch vụ sẽ khỏe và an toàn hơn cho các doanh nghiệp và tăng cường hệ thống để ví amiăng.

(1) Nâng cấp hệ thống quản lý

- Xây dựng hệ thống quản lý toàn thời gian để ví yếu tố gây hại
 - Tổ chức ủy ban chuyên gia, bao gồm các chuyên gia có liên quan nhằm phân loại và quản lý mới cách có hệ thống các yếu tố gây hại phù hợp với thực tế trong nước.
 - * Tùy theo kết quả đánh giá vật liệu nguy hiểm và gây hại cùng khảo sát mức phơi nhiễm, phân loại và quản lý các yếu tố gây hại và xem xét thời điểm kiểm soát chất gây ung thư (caxiogen) và tiêu chuẩn phơi nhiễm.
 - Thành lập và điều hành trung tâm xét nghiệm nồng độ để kiểm tra tính hít phải
 - Nghiên cứu và phân tích hình ảnh để ví sẽ khỏe của nhân viên trong trình độ phơi nhiễm và vật liệu gây hại có mặt để tiếp trong thời gian dài (2 năm) và tăng cường khả năng đánh giá mức độ phơi nhiễm vật liệu có độc tính không xác định.
 - * Trao đổi công nghệ với chương trình NTP của Hoa Kỳ, trung tâm nghiên cứu Bio Assay của Nhật Bản và các tổ chức đánh giá độc tính chuyên ngành khác và trao đổi tin tức với tổ chức để ví tác OECD SIDS.

- **C i t i n h t h n g cung c p thông tin v v t l i u nguy hi m và đ c h i**
 - Thành l p và đi u hành “Trung tâm Thông tin Hóa ch t KOSHA (KCIC)” đ c ó th truy c p và s d ng d dàng thông tin c n thi t cho vi c qu n lý môi tr ng làm vi c.
 - Liên t c m r ng c s d li u c a GHS MSDS v các hóa ch t gây h i chính và đ m b o tính n đ nh n i b c a thông tin MSDS qua vi c c p nh t thông tin MSDS m t cách có h th ng.
 - Đa d ng hóa ph ng th c cung c p thông tin v v t l i u nguy hi m và có h i đ nh nhân viên có th hi u d dàng.
- **C ng c h th ng theo dõi và phát hi n s m các b nh ngh nghi p**
 - Xây d ng “h th ng giám sát trung tâm” có kh năng giám sát liên t c các xu h ng bùng phát c a các b nh ngh nghi p c th .
 - Tăng c ng vi c giám sát b nh ngh nghi p và ti n hành xét nghi m d ch t đ a trên k t qu ki m tra y t và xác đ nh s m kh năng bùng phát c a các b nh có liên quan đ n nh ng đ án s c kh e khác.
 - * '08 Mesothelioma, etc. '08 U trung bi u mô, ... (4 lo i) → '09 Đ t t , ... (2 lo i) → Các b nh c n giám sát b sung sau đó
 - C ng c ch c năng phân tích và so sánh nh m đ đoán các b nh.
 - C ng c m i liên k t v i d li u th ng kê v b nh t t do các c quan có liên quan công b nh m th c hi n kh o sát trên toàn qu c.
 - * Xây d ng h th ng liên k t và so sánh v i d li u có liên quan đ n ph ng pháp ch a tr th ng tích lao đ ng do Nghi p đoàn Phúc l i Lao đ ng Hàn Qu c cung c p, d li u ki m tra y t do Nghi p đoàn B o hi m Y t Qu c gia công b , d li u liên quan đ n b nh ung th do Trung tâm Ung th qu c gia đ a ra, d li u liên quan đ n b nh ung th do C c th ng kê Hàn Qu c ban hành, v.v...
 - T ch c l i h th ng qu n lý phòng tránh b nh ung th do ngh nghi p
 - Tăng c ng m c ki m soát đ i v i ch t gây ung th sinh ra trong công vi c cùng v i các v t l i u đ c s d ng và x lý.

- Quy định về việc chuyển đổi gây ung thư từ làm việc ban ngày 3b c*, theo mức độ phơi nhiễm (tần độ, thời gian), số lượng nhân viên chuyển đổi gây ung thư và tình trạng của các bệnh nghề nghiệp phát sinh.

* (B c 1: R i ro cao) Thường xuyên kiểm tra các biện pháp y tế để phát hiện, (B c 2: R i ro trung bình) Hạn chế tiếp xúc, (B c 3: R i ro thấp) Quy định nguy cơ từ làm việc

(2) Hệ thống doanh nghiệp xây dựng hệ thống phòng tránh bệnh

- Cung cấp sự hỗ trợ để thực hiện trong quy định về phòng tránh bệnh phù hợp với đặc điểm theo loại hình và quy mô công việc
 - Thường xuyên hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, có dưới 50 nhân viên bằng những dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp cơ bản.
 - Trong khi mở rộng mức hỗ trợ để giảm các chi phí kiểm tra y tế để giảm tỷ lệ, tăng cường khả năng tiếp cận bằng cách sử dụng các xe dịch vụ y tế lưu động và trao quyền lựa chọn bệnh viện cho nhân viên.
 - Tăng mức hỗ trợ để giảm chi phí tính toán môi trường làm việc và tăng cường độ hoạt động để giảm thiểu các bệnh cách tiếp cận các phòng thí nghiệm để tin cậy các kết quả kiểm tra.
 - Điều chỉnh chu trình và phương thức tính toán môi trường làm việc và kiểm tra y tế để giảm tỷ lệ mắc bệnh nghề nghiệp, các nguy cơ đánh giá và hình thức khuyến khích để nâng cao chất lượng dịch vụ.
 - Cung cấp thông tin có liên quan bằng cách sử dụng các số liệu có liên quan đến việc tính toán môi trường làm việc và kiểm tra y tế để giảm tỷ lệ; đồng thời, nâng cao mối quan tâm đến quy định sức khỏe.
 - * Cung cấp số liệu có liên quan đến việc tính toán môi trường làm việc và kiểm tra y tế để giảm tỷ lệ cho chủ sở hữu doanh nghiệp và các quan chức quy định sức khỏe; giảm kết quả kiểm tra y tế để giảm tỷ lệ từ nhân viên.
 - Phát triển và cung cấp mô hình kết quả phòng tránh theo loại hình và quy mô doanh nghiệp.
 - Tổng kết và phân tích các phương pháp phòng tránh thì tỷ lệ bằng cách thực hiện sàng lọc, tiếp xúc vào đặc điểm của các bệnh chính và các yếu tố gây hại theo loại hình và quy mô công việc.
 - Mỗi năm chọn ra các vật liệu mẫu tiêu chuẩn trong số 10 vật liệu để các phòng thí nghiệm và các biện pháp hỗ trợ kết quả cho nhân viên làm việc sử dụng các quy trình chính có nguy cơ phơi nhiễm cao và những vật liệu đó.

- S p x p các h th ng nh m xây d ng m t h th ng qu n lý s c kh e t nguy n
 - C i thi n tiêu chu n v trình đ c a ng i qu n lý s c kh e và ph ng pháp làm vi c.
 - Đi u ch nh l i tiêu chu n v trình đ c a ng i qu n lý s c kh e lên đ n m c tiêu chu n c a nh ng ng i có m i liên h ch t ch v i d ch v qu n lý s c kh e đ c mô t trong Lu t S c kh e và An toàn Lao đ ng.
 - * K s môi tr ng chuyên trách v ô nhi m không khí có m i liên h th p v i công vi c s chi m kho ng 25% s ng i qu n lý s c kh e t ch đ nh.
 - C ng c vi c qu n lý s c kh e c a nhân viên d a trên m i liên k t h u c v i ph ng pháp v sinh công nghi p, đi u đ ng công nghi p và y t công nghi p.
 - Tăng c ng h ng d n v các ho t đ ng ti p theo vi c ki m tra y t t i n i làm vi c nh ng không b t bu c ch đ nh ng i qu n lý s c kh e.
 - * Nh m cho phép nhân viên nh n đ c s chăm sóc ti p theo, nh bài t p th d c, đào t o v s c kh e và t v n y t , hãy xem xét s đ ng c s h t ng c a trung tâm qu ng bá s c kh e c a Nghi p đoàn B o hi m Qu c gia và các đ án qu n lý tr ng h p.
 - M r ng ph m vi n i làm vi c c n đ c ch đ nh ng i qu n lý s c kh e.
 - K c các ngành hi n ch a b t bu c ch đ nh ng i qu n lý s c kh e nh v n t i, bán buôn và bán l và xây d ng cũng s đ c bao g m trong nhóm các ngành c n ch đ nh ng i qu n lý s c kh e.
- Tái kh i đ ng các chi n d ch qu ng bá v s c kh e t i n i làm vi c.
 - Đ ngăn ch n các b nh có liên quan đ n hút thu c và b nh ngh nghi p, hãy kh i đ ng “chi n d ch n i làm vi c không có khói thu c”.
 - * Gi m t l hút thu c c a nhân viên (54%), m c cao nh t trong s các qu c gia OECD, xu ng m t n a trong 5 năm t i.
 - Chu n b các bi n pháp h tr nh tăng c ng giám sát quy đ nh không hút thu c t i nh ng n i làm vi c c n x lý v t li u gây h i, ban b các ch ng trình không hút thu c t i n i làm vi c và cung c p các h tr có liên quan và đào t o ng i h ng d n không hút thu c.
 - Xây d ng k ho ch hành đ ng cho v n đ “tinh th n lành m nh”, nh các căng th ng gia tăng có liên quan đ n công vi c, b t ngu n t s c nh tranh gay g t và nh ng thay đ i trong c u trúc ngành.
 - Đ t ra k ho ch duy trì tinh th n lành m nh t i n i làm vi c, cung c p các h tr c n có cho vi c v n hành, xây d ng các h ng d n phòng tránh căng

th ng trong công vi c và c ng c s h tr cho vi c qu n lý nhóm có r i ro
cao.

(3) Xây dựng hình thức ngăn chặn các vi phạm vi phạm pháp luật và tăng cường quản lý

- Xây dựng hình thức phòng tránh các thủ tục tích liên quan đến sự vi phạm pháp luật có hình thức và toàn diện
 - Xây dựng các hình thức có liên quan, như “các phân tích sự vi phạm pháp luật”, cho ví dụ về các cách có hình thức và khoa học để vi phạm pháp luật.
 - Lập kế hoạch các địa điểm đào tạo về các pháp lý sự vi phạm pháp luật tại khu vực (6 năm) và cung cấp khóa đào tạo tăng cường về các pháp lý và pháp lý sự vi phạm pháp luật cho các chủ sở hữu doanh nghiệp, nhân viên và giám sát viên.
 - Phát triển và cung cấp “hình thức quản lý và chu kỳ báo cáo sự vi phạm pháp luật” cho nhân viên làm việc có tòa nhà của sự vi phạm pháp luật, thuyết trình nhân viên về chu kỳ báo cáo sự vi phạm pháp luật.
 - Góp phần giá có liên quan đến sự vi phạm pháp luật trong “các tính Tiêu chuẩn cho Xây dựng” để đảm bảo rằng chi phí xây dựng phù hợp có thể hình thành công việc pháp lý sự vi phạm pháp luật; thủ tục xuyên biên giới.
- Tăng cường hợp tác với chính quyền địa phương, để nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát
 - Tăng cường mức độ kiểm soát đối với công việc pháp lý và pháp lý sự vi phạm pháp luật bằng cách hợp tác với các chính quyền địa phương.
 - Yêu cầu các văn phòng địa phương đi đầu hành động “nhóm thực thi nhiệm vụ sự vi phạm pháp luật địa điểm tái phát triển”, cùng nhau kiểm tra địa điểm tái phát triển và chia sẻ thông tin có liên quan bằng cách xây dựng hình thức liên lạc.
 - * Bao gồm nhân viên nắm quyền tại các văn phòng địa phương, KOSHA và chính quyền địa phương, nhóm thực thi nhiệm vụ này sẽ hoạt động theo từng quý.
 - Ủy ban đào tạo về mức độ chấp hành các và các tiêu chuẩn đối với công việc pháp lý sự vi phạm pháp luật cho các quản lý và giám sát viên của nhà thầu cùng nhân viên pháp lý tham gia vào quá trình tái phát triển, như việc xây dựng thủ tục mới.
 - Ủy ban giám sát đối với công việc pháp lý và pháp lý sự vi phạm pháp luật.
 - Kiểm tra xem lịch bị xử lý có đúng các bước trình bày khi pháp lý sự vi phạm pháp luật không. Các các hoạt động pháp lý đối với công ty phải được quản lý tập trung, bao gồm nhân công ty đã vi phạm luật.

5 T ý th c và xây d ng thói quen nh n th c v s c kh e và an toàn thông qua văn hóa s c kh e và an toàn m r ng

Do t p quán và thông l lâu đ i cùng s thi u h t các khóa đào t o v an toàn vào th i kỳ đ u, nên vi c thay đ i nh n th c là r t khó khăn, m c đ hi u qu c a chính sách v văn hóa an toàn cũng r t th p.

- o Các v vi c nghiêm tr ng th ng x y ra do l i không tuân th nh ng nguyên t c an toàn c b n; vi c gì m b t tại n n lao đ ng s là không kh thi n u ý th c v an toàn và văn hóa an toàn ch a ăn sâu vào tâm trí c a ng i lao đ ng.

Ti n hành nhi u ho t đ ng khác nhau đ ý th c, hành vi cũng nh văn hóa an toàn in sâu vào suy nghĩ c a nhân viên, đ n m c t ng đ ng v i các n c tiên ti n.

(1) Tri n khai chi n d ch v văn hóa an toàn cùng v i các t ch c phi chính ph và ng i lao đ ng - ban qu n lý

- o Xúc ti n vi c nhân r ng văn hóa v an toàn và s c kh e ra toàn qu c b ng vi c cùng ti n hành chi n d ch v i các t ch c phi chính ph , t ch c qu n lý lao đ ng, báo gi i và các t ch c chuyên môn.
 - Ti n hành chi n d ch tuyên truy n v văn hóa an toàn cho t ng nhóm dân c đ nâng cao nh n th c v an toàn và ti p t c các ch ng trình nhân r ng văn hóa an toàn trong đ i s ng hàng ngày.
- o Xúc ti n m r ng các ho t đ ng phòng tránh th ng tích t nguy n t i n i làm vi c thông qua s h p tác gi a ng i lao đ ng và ban qu n lý.
 - Đi u hành “h th ng ch ng nh n s c kh e và an toàn lao đ ng” đ cho phép ng i lao đ ng và ban qu n lý cùng nhau đánh giá và c i thi n c p đ c a văn hóa s c kh e và an toàn t i t ng n i làm vi c.
 - * Tăng đ ng l c cho nh ng doanh nghi p nh n đ c ch ng nh n, bao g m vi c cung c p h tr tài chính cho nh ng đ án s ch v i m c tiêu c i ti n c s .
 - Thuy t ph c thành viên c a các t ch c qu n lý lao đ ng ti n hành chi n d ch t nguy n v s c kh e và an toàn* phù h p v i đ c đi m c a nh ng n i làm vi c.
 - * Th c hi n chi n d ch “1 công ty, 1 quy t c an toàn” đ gi m m t n a s ca th ng tích t i nh ng doanh nghi p l n, chi n d ch n i làm vi c không khó thu c, v.v...

(2) Xây dựng khóa đào tạo chuyên biệt, các chỉ số và chỉ số PR

- Mục đích cho công tác đào tạo về sức khỏe và an toàn
 - Tái thiết hình ảnh về đào tạo về sức khỏe và an toàn bằng cách thuyết phục các chủ doanh nghiệp tham gia.
 - Xem xét các phương pháp giám sát trong những trường hợp chủ doanh nghiệp, giám sát viên hoặc nhân viên vi phạm các đào tạo sau khi vi phạm Luật Sức khỏe và An toàn Lao động.
 - * Ví dụ: Theo Luật Giao thông Đường bộ, nếu người vi phạm hoàn thành khóa đào tạo, thì sẽ giảm phạt do lỗi vi phạm giao thông sẽ giảm.
 - Tiến hành các khóa đào tạo để cải thiện năng lực suy nghĩ về quản lý an toàn của các chủ doanh nghiệp. Xem xét các phương pháp để nâng cao, như mời trình khóa đào tạo bắt buộc về việc quản lý sức khỏe và an toàn trong năm của chủ doanh nghiệp hoàn thành khóa đào tạo để cải thiện.
 - Phát triển và cung cấp các chương trình và phương thức đào tạo có tính đến các đặc điểm của học viên và tăng cường hỗ trợ đào tạo về sức khỏe và an toàn.

Chỉ tiêu về khóa đào tạo chuyên biệt cho từng kỹ thuật viên (ví dụ)

- (Người lao động) Xác định các vấn đề của cá nhân thông qua một chương trình có thể tính toán mức độ ý thức về an toàn, tiến hành đào tạo để khắc phục những vấn đề này.
 - * Tái thiết hình ảnh về đào tạo để làm việc bằng cách dùng quản lý và giám sát viên để làm việc làm nghề nghiệp.
- (Chủ doanh nghiệp) Phân tích chi phí và lợi ích của việc phòng tránh tai nạn lao động cho từng người làm việc và để ý đến ý thức về an toàn thông qua việc ghi nhận (đào tạo) những cách thức quản lý an toàn hay nhất.
- (Học sinh, sinh viên) Nhằm mở rộng về đào tạo có thể để thêm vào các loại kỹ thuật, trung tâm các và trung tâm thông tin, bổ sung nội dung đào tạo và giúp phát triển và cung cấp tài liệu đào tạo.
 - * Xây dựng và cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy (5-10 phút) về đào tạo an toàn và Biên bản Ghi nhận về Sổ Giáo dục của thành phố hoặc tỉnh để hỗ trợ và tái thiết hình ảnh về đào tạo về an toàn.

- Cho phép các hội đồng các loại hình công việc và công đoàn ngành tiến hành đào tạo; hỗ trợ việc thiết lập các khóa đào tạo chuyên biệt cho từng bộ phận.
- Xem xét các cách thức để đưa ra hỗ trợ tài chính trong trường hợp các tổ chức giáo dục chuyên môn để được thanh toán về những doanh nghiệp

nh ấ phát tri n và th c hi n các khóa đào t o và cung c p d ch v t v n.

□ Công cụ các chỉ số và hoạt động PR chuyên biệt

- (Các hoạt động PR) Hướng tới sự hài hòa giữa người lao động và ban lãnh đạo nhằm mở rộng các mối liên hệ PR và đẩy mạnh việc xây dựng danh mục các mối xúc tiến đi làm việc; xây dựng và thể hiện các chỉ số PR cụ thể.
- Chọn nhân viên vào nhóm giám sát an toàn tại vùng hoạt động để báo cáo thể thức địa và hỗ trợ các hoạt động PR trực/gián tiếp.
- Công cụ các hoạt động PR chung giữa người lao động và ban quản lý nhằm đẩy mạnh ý thức về sức khỏe và an toàn của nhóm người lao động – quản lý. Mở rộng và công cụ các hoạt động PR tiến bộ.
- (Chỉ số) Mở rộng các số liệu trong tuần của chỉ số an toàn lao động thành số liệu trong vùng để có thêm nhân viên tham gia vào việc nhân rộng văn hóa an toàn trong vùng.

□ Tăng cường khả năng tiếp cận và xây dựng danh mục thông tin về sức khỏe và an toàn theo các mối xúc

- Đẩy mạnh việc phát triển và cung cấp tài liệu qua việc chuyển đổi trên nền tảng ví dụ điển hình.
- * Tạo ra những thay đổi trong hành động bằng cách khuyến khích tình cảm của nhân viên.
- Xây dựng trang web về các hoạt động PR và hình thức thể hiện tin tức làm việc để sử dụng dữ liệu để phát triển một cách có hiệu quả và công cụ khả năng tìm kiếm.
- Xem xét cách thức đưa những mối có liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động vào các bài kiểm tra chuyên môn, sách giáo khoa và các khóa đào tạo có liên quan đến các kiểm tra chuyên môn do Cơ quan Phát triển Nhân sự Hàn Quốc tiến hành.
- Mở rộng các cơ sở và chương trình đào tạo qua kinh nghiệm về sức khỏe và an toàn lao động tại từng khu vực nhằm đẩy mạnh việc đào tạo, PR và nhận thức về an toàn trên toàn quốc.

□ Nhân rộng văn hóa an toàn khoa học và công nghệ

- (Cách thức tính toán nhận thức về an toàn theo khoa học) Phát triển và cung cấp các chương trình nâng cao/kiểm tra để phân tích xu hướng của các hành vi an toàn và cải thiện nhận thức về an toàn.
- (Khảo sát mức độ nhận thức của chủ sở hữu doanh nghiệp) Định kỳ tiến hành “khảo sát về mức độ nhận thức an toàn (cانون امانى) của chủ sở hữu doanh nghiệp” để đưa ra các khuyến nghị, đánh giá tác động của việc giáo dục và xây dựng hệ thống giám sát.
- (Kế hoạch trung và dài hạn) Xây dựng các kế hoạch trung và dài hạn để nâng cao nhận thức về an toàn mọi cách toàn diện và công nghệ và đề xuất các thay đổi trong hành vi.

(3) Khuyến khích giao dịch trong nước và quốc tế để thúc đẩy cung cấp thông tin liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động

□ Quản lý chất lượng hệ thống gia

- Tăng cường các đóng góp quốc tế về tình trạng sức khỏe và an toàn lao động từ các nước đang phát triển.
 - Nâng cao vị thế của Hàn Quốc từ các tổ chức quốc tế bằng cách duy trì những đóng góp chung trong lĩnh vực sức khỏe và an toàn lao động với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).
 - * Tăng cường việc trao đổi các thí nghiệm và tài liệu về sức khỏe và an toàn lao động, cung cấp dịch vụ tư vấn và các dự án đào tạo để mời tham dự từ khu vực Châu Á Thái Bình Dương đến Trung Á (16 – 20 quốc gia).
- Tăng cường và đảm bảo sự ổn định nội bộ để duy trì vị thế của các sản phẩm quốc tế
 - Tiếp nhận và cung cấp thông tin và công nghệ tiên tiến trong nước bằng cách tổ chức những sản phẩm quốc tế có liên quan đến vấn đề sức khỏe và an toàn lao động.
 - * Lập kế hoạch đăng cai tổ chức Hội nghị Quốc tế về Sức khỏe Lao động lần thứ 31 (đến nay diễn ra tại Seoul vào năm 2015)

- T o ra b ̣ c thay đ i đ ̣ n ̄ng cao v ̣ th ̣ c a Hàn Qu ̣ c và ng ̣ i Hàn Qu ̣ c có th ̣ đ ̣ng vai trò l ̄nh đ ̣ o trong vi ̣ c đ ̣ a ra các quy ̣ t đ ̄nh qu ̣ c t ̣ v ̣ l ̄nh v ̣ s ̣ c kh ̣ e và an toàn lao đ ̄ng.
 - Chu ̣ n b ̣ ch ̣ ng trình hành đ ̄ng c ̣ th ̣ đ ̣ ph ̣ i h ̣ p v ̣ i các t ̣ ch ̣ c qu ̣ c k ̣ , bao g ̣ m ILO, đ ̣ m c đ ̄ch c ̣ a Tuyên b ̣ Seoul có th ̣ đ ̣ c tuyên truy ̣ n m ̣ t cách có hi ̣ u qu ̣ .
 - * Trong H ̣ i ngh ̣ Qu ̣ c t ̣ v ̣ S ̣ c kh ̣ e và An toàn t ̣ i N ̣ i làm vi ̣ c l ̄n th ̣ 18 (06/2008), 46 đ ̄ i di ̄n t ̣ các chính quy ̣ n – ban qu ̣ n lý – ng ̣ i lao đ ̄ng th ̣ gi ̣ i đ ̄ nh ̄m h ̣ p, k ̣ t lu ̄n và công b ̣ “Tuyên b ̣ Seoul v ̣ S ̣ c kh ̣ e và An toàn t ̣ i N ̣ i làm vi ̣ c”.
 - Khuy ̄n kh ̄ch các chính quy ̣ n – ban qu ̣ n lý – ng ̣ i lao đ ̄ng trong n ̄ c và các doanh nghi ̣ p th ̣ c hi ̄n nh ̄ng m ̣ c đ ̄ch c ̣ a b ̄n tuyên b ̣ và n ̄ng cao nh ̄n th ̣ c/ văn hóa an toàn ti ̄n.
- Tái th ̣ c hi ̄n vi ̣ c cung c ̣ p thông tin trong n ̄ c và toàn c ̣ u
- Cung c ̣ p nh ̄ng thông tin m ̣ i nh ̄ t v ̣ các phong trào qu ̣ c t ̣ v ̣ i s ̣ c kh ̣ e và an toàn lao đ ̄ng.
 - Tăng c ̣ ng cung c ̣ p thông tin v ̣ tình hình s ̣ c kh ̣ e và an toàn c ̣ c b ̄ đ ̄n nh ̄ng doanh nghi ̣ p t ̄i n ̄ c ngoài và h ̄ tr ̄ đ ̄a ph ̄ng hóa n ̣ i làm vi ̣ c.
 - Phát hành và th ̄ ng xuyên xu ̄t b ̄n t ̄p san v ̣ s ̣ c kh ̣ e và an toàn lao đ ̄ng c ̣ p đ ̄ qu ̣ c t ̣ , “S ̣ c kh ̣ e & An toàn t ̣ i N ̣ i làm vi ̣ c” (tên t ̄ m th ̄ i).
 - Xu ̄t b ̄n “B ̄n tin ICOH” ch ̄ trên web đ ̄ duy trì vi ̣ c trao đ ̄ i thông tin th ̄ ng xuyên và liên t ̄ c gi ̄ a các thành viên ICOH và tăng c ̣ ng h ̄ p tác.
 - * S ̄ đ ̄ c phân ph ̄ i th ̄ ng xuyên đ ̄n kho ̄ng 2.000 t ̄ ch ̣ c và cá nh ̄n thành viên c ̣ a ICOH trên 93 n ̄ c.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và mở rộng quy mô hoạt động quản lý khu vực và an toàn lao động, chính phủ cần kịp thời đưa ra các chính sách phòng tránh tai nạn lao động theo hướng tích cực và giám sát nghiêm ngặt.

Nâng cao năng lực quản lý của viên chức thực thi chính sách bằng cách tăng cường tính chuyên nghiệp của các cơ quan hữu trách, xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và thi tuyển bổ sung viên chức cho các chính sách phòng tránh tai nạn mới cách khoa học và có hệ thống.

(1) Tăng cường năng lực giám sát

- Công tác quản lý hướng dẫn và giám sát bằng cách chuyên môn hóa các giám sát viên về các lĩnh vực khác nhau như: sức khỏe, xây dựng và môi trường, v.v...
- Cùng với hoạt động trên, tổ chức nhóm giám sát viên theo chuyên ngành và thành lập hệ thống đi xuống để nắm bắt tình hình đã hoàn thành khóa đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ về khu vực và an toàn lao động đã phân công.
- * Đối với từng ngành sản xuất, công nghiệp và lĩnh vực y tế, 12 ngành sẽ được tuyển dụng mỗi năm (tổng cộng là 36 ngành mỗi năm) trong vòng 5 năm (từ 118 ngành vào 09/2009 lên tổng cộng 300 ngành vào năm 2014).
- Các kế hoạch chuyển đổi về phân bổ công việc của giám sát viên từ các giám sát khu vực vào hệ thống quản lý chức năng* đang được tiến hành.
- * Phân loại vị trí theo lĩnh vực công việc, như ngành sản xuất, công nghiệp và sức khỏe, hoặc theo bộ phận công việc, như giám sát nội làm việc, đi xuống tra nghiệm tích và xử lý khiếu nại dân sự.
- Tiến hành chuyển đổi quy trình đào tạo dài hạn theo công việc để nâng cao chuyên môn của giám sát viên sau khi đã đưa ra hệ thống đánh giá rõ ràng.
- * Giám sát viên sẽ được cử đi học một khóa đào tạo 4 ~ 6 tháng tại các trường đại học, học viện do chính phủ đầu tư, trung tâm đào tạo nhân viên của chính phủ, Viện Nghiên cứu Giáo dục và Đào tạo Hàng nghiệp Hàn Quốc và các tổ chức khác có liên quan.

(2) Xây dựng hệ thống đánh giá thực hiên

- Phát triển hệ thống đánh giá hiệu quả và tiêu chí chi tiết
 - Xây dựng hệ thống phân tích và đánh giá hiệu quả có phương pháp cho các dự án phòng tránh tai nạn lao động.
 - Hợp nhất các dự án tương tự và/hoặc trùng lặp và các dự án mới thành lập hoặc bãi bỏ, dựa trên đánh giá khoa học về tính hiệu quả.
 - Phát triển và triển khai danh mục chính sách mới, trong đó nhấn mạnh thay đổi trong danh mục đích của chính sách và mục đích sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc có thể được đo lường bằng cách khách quan.
 - Lập kế hoạch để đưa ra hệ thống đánh giá tác động của tai nạn lao động sao cho các mục tiêu được cân nhắc để vì việc phòng tránh tai nạn lao động có thể được thể hiện trong giai đoạn lập kế hoạch chính sách.
- Chương trình kiểm soát chi tiết của dự án và xây dựng hệ thống phân tích
 - Đảm bảo độ tin cậy của việc quản lý chính xác, có liên quan đến khả năng phân tích của các tổ chức kiểm tra y tế để biết, tổ chức đánh giá môi trường làm việc và tổ chức điều tra vụ tai nạn thương tích và xây dựng một chương trình kiểm soát chi tiết để ngăn ngừa.

Các mục đánh giá: Khả năng đánh giá môi trường làm việc và phân tích mẫu, kỹ thuật đào tạo mà nhân viên nhận được, phát triển khả năng, mục tiêu vi tính hóa, v.v....
 - Lập ra các tiêu chí quản lý tiêu chuẩn theo loại hình dự án và định kỳ kiểm tra thực trạng của các chương trình thực hiên, bao gồm theo dõi đánh giá, công cụ hệ thống phân tích.

(3) Nâng cấp sử dụng thực kê v tại nạn lao động

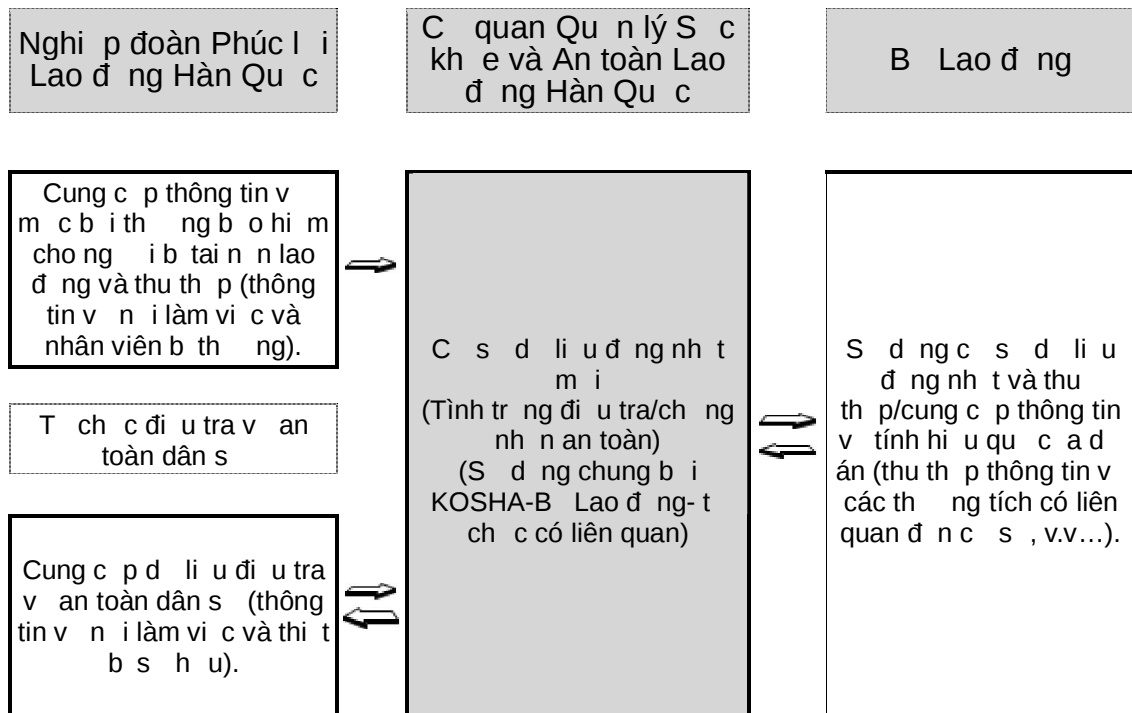
- Liên tục tiến hành các cuộc điều tra chuyên biệt, như điều tra về nguyên nhân gây ra tai nạn tích hợp với nhóm thực nghiệm xuyên suốt và các nhóm đối tượng khác.
 - Phân tích nguyên nhân gây tai nạn lao động dựa trên dữ liệu riêng của từng nhân viên và kết quả điều tra thực nghiệm tích hợp vào năm trước.

- Tính toán các chỉ số thống kê khác nhau theo loại hình tuyến đường, như: nhân viên không thống kê xuyên, bảng số liệu thống kê về bệnh lao đường và bệnh hiểm tử và nâng cao độ chính xác của số liệu thống kê về thống kê.
- o Xem xét việc chuyển đổi phương pháp xác định quy mô của tại nhân lao đường sang phương pháp khảo sát mẫu.
- Để tính quy mô của tại nhân lao đường, thu thập dữ liệu về thông tin doanh nghiệp, loại hình tuyến đường của nhân viên bệnh, loại thống kê, mức độ tăng và chi tiêu thống kê.
- o Nâng cao chất lượng của số liệu thống kê bằng cách chuyển danh sách kiểm tra cho thống kê chuyển số liệu thống kê, để chuyển đổi hình thức và cách tiếp cận số liệu thống kê và các nhân số tiếp cận số liệu thống kê.
- * Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng để vì các khảo sát và số liệu thống kê có liên quan; các cơ sở thống kê kiểm tra lại máy tính để nâng cao độ tin cậy của số liệu thống kê bằng dữ liệu quản lý.

(4) Xây dựng hệ thống thông tin hợp nhất

- o Hợp nhất các thông tin rời rạc về việc phòng tránh thống kê từ nhiều làm việc, có liên quan đến các tổ chức các tổ chức có thể cùng xây dựng hệ thống và tổ thành các liên kết thực địa các tổ chức.
- Xử lý thông tin thu thập được qua hệ thống thông tin để nhận diện làm việc và số lượng thông tin đó làm cơ sở để ra các chính sách phòng tránh.

Xây dựng hệ thống thông tin để nhận diện



Biện pháp tiếp theo và kế hoạch hành động cho các nhiệm vụ chi tiết

1 Ph ng th c ti p n i

- ☐ Xem xét tình hình th c t , nh rà soát lu t pháp và qu thu mua, tuy v y, c n t i n hành các k ho ch càng s m càng t t đ hi n th c hóa các k t qu .
 - Th c hi n c nh ng d án không tránh kh i nh ng th t c tiên quy t (t i n hành nghiên c u, s p x p c s pháp lý, v.v...) đ các k t qu chính tr có th đ c th hi n trong năm 2011.
 - Đ ng nh t các d án t ng t và/ho c l p l i và h tr đ y đ cho các d án chính t ngân sách năm 2010.
 - Thu x p ngu n qu n đ nh b ng cách tăng m c chi tiêu có liên quan đ n vi c phòng tránh tai n n lao đ ng b ng vi c th o lu n v i các ban ngành có liên quan và đ a m c chi tiêu đã tăng thêm vào k ho ch tài chính trung đ n dài h n (2011 ~ 2015).
- ☐ Đ th c hi n thành công các d án, ki m tra hi u qu công vi c theo k ho ch hành đ ng.
 - Hàng năm, xây d ng các k ho ch d án t p trung vào nhi m v hành đ ng th c t , có xét đ n l ch trình tri n khai d án theo k ho ch 5 năm.
 - * Th ng xuyên ki m tra k t qu th c hi n d án thông qua các y ban chuyên môn n m đ i s đ i u hành c a y ban phòng tránh và b i th ng b o hi m cho ng i b tai n n lao đ ng.
 - Ki m tra hi u qu công vi c hàng quý và b sung, thúc đ y vi c th c thi các d án có k t qu không t t.

N u k ho ch 5 năm đ c th c hi n thành công

- T l th ng tích c đ nh đ c kỳ v ng s gi m đi 0,5% vào năm 2014; t l t vong trên 10.000 nhân viên cũng đ c đ báo s gi m xu ng 0,74.
 - T l th ng tích và s l ng nhân viên b th ng:
['09] 0.70% (97,821) → ['14] 0.50% (69,420)
 - T l t vong trên 10.000 nhân viên và s ca t vong:
['09] 1.57 (2,181) → ['14] 0.74 (1,026)
- Ti t ki m chi phí xã h i và đóng góp vào m c tăng tr ng ti m năng c a qu c gia b ng cách gi m thi u th t thoát lao đ ng và tăng ch t l ng c a ngu n nhân l c.

2 K ho ch hành đ ng cho nhi m v chi ti t

Nhiệm vụ chính trị	'10	'11	'12	'13	'14
1. Nghiên cứu các hoạt động phòng tránh tại nơi làm việc để ngăn ngừa tai nạn qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng và pháp lý					
(1) Thành lập ban tiếp nhận và xử lý các vụ tai nạn đánh giá rủi ro					
1-1. Hình thức quản lý tai nạn liên quan đến việc					
▪ Thực hiện dự án thí điểm.					
▪ Xây dựng phương pháp tiếp cận và bổ sung.					
▪ Tiến hành rà soát liên tục.					
1-2. Xây dựng hệ thống hồ sơ vụ tai nạn theo mô hình rủi ro					
1-3. Monitor hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn					
(2) Tổ chức cải thiện pháp lý và tăng cường tính hiệu quả của việc thực thi					
2-1. Tổ chức cải thiện pháp lý để chuyển đổi thành hệ thống đánh giá rủi ro					
2-2. Nâng cao tính hiệu quả của việc thực thi luật pháp					
2-3. Công tác trách nhiệm của các bên có quy định và nghĩa vụ					
▪ Công tác nghĩa vụ báo cáo nhân viên.					
▪ Monitor phạm vi của nhân viên.					
▪ Tiếp cận hệ thống thuê ngoài cho vụ tai nạn quản lý sức khỏe và an toàn.					
(3) Đưa ra hệ thống biện pháp để giảm thiểu tai nạn phòng tránh					
3-1. Xây dựng hệ thống liên kết các hoạt động phòng tránh và việc biện pháp					

Nhiệm vụ chính trị		'10	'11	'12	'13	'14
2. Đa dạng hóa hình thức phân phối dịch vụ thông qua việc tham gia và hợp tác						
(1) Xây dựng bộ máy điều hành cho vùng sức khỏe và an toàn lao động						
1-1. Xây dựng mạng lưới sức khỏe và an toàn lao động trong vùng						
1-2. Tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương						
▪ Sắp xếp các hình thức chịu trách nhiệm vụ chính sách tùy theo đặc điểm các mạng lưới trong vùng.						
▪ Xây dựng hình thức phân phối cấp độ ngành.						
▪ Xây dựng hình thức hợp tác với các trung tâm chăm sóc sức khỏe lao động và phòng khám trong vùng.						
1-3. Nâng cao lao động – ban quản lý cùng nhau xây dựng hình thức hợp tác với sức khỏe và an toàn						
▪ Vạch ra hành có hiệu quả hình thức giám sát an toàn lao động.						
▪ Tăng cường vị trí cho Ủy ban về sức khỏe và an toàn lao động.						
▪ Phát hiện và mở rộng các dự án có sự tham gia của người lao động – ban quản lý.						
(2) Tái thiết hiện các hoạt động ngăn ngừa tai nạn tích cực ở khu vực và ngành						
2-1. Thiết lập dự án phòng tránh tai nạn lao động tại vùng						
2-2. Điều tra các phòng ngừa tai nạn phòng tránh cấp độ ngành						
▪ Điều hành các hình thức áp dụng.						
▪ Hoàn thành các dự án phòng tránh cùng với các khu liên hợp công nghiệp quốc gia.						
(3) Khuyến khích tham gia của người dân vào các dự án phòng tránh tai nạn lao động						
3-1. Điều chỉnh nội dung các chức năng và vai trò						
3-2. Tăng cường năng lực của các tổ chức phòng tránh tai nạn tích dân sự.						
▪ Đưa ra hình thức đánh giá tổ chức.						
▪ Điều hành các khóa đào tạo về kỹ thuật.						
▪ Điều tra các khóa đào tạo về đánh giá rủi ro và đưa ra hình thức trình độ.						
▪ Tăng cường hỗ trợ cho các chi phí nghiên cứu & phát triển.						
3-3. Hỗ trợ khả năng tạo việc làm bằng cách tăng cường nhân sự tham gia vào các hoạt động phòng tránh tai nạn lao động						
▪ Hỗ trợ doanh nghiệp mới thuê người qua lý sức khỏe và an toàn.						
▪ Phát triển mô hình dự án phòng tránh tai nạn tích.						

Nhiệm vụ chính trị	'10	'11	'12	'13	'14
3. Công tác tính hiệu quả và đánh giá thông qua các phương thức phòng tránh chuyên biệt					
(1) Tăng cường quản lý tập trung tính hiệu quả doanh nghiệp có nhiệm vụ tại nội địa và các thị trường gia tăng					
1-1. Nâng cao công tác quản lý an toàn và trách nhiệm trong từng giai đoạn xây dựng					
Đánh giá tính hiệu quả và an toàn, tính toán và công bố lợi ích tích cực các chính sách xã hội công.					
Cải thiện hệ thống trình bày các chương trình phòng tránh mối nguy hiểm và tác hại.					
Thay đổi hệ thống tuyển dụng quan trọng và phòng tránh thị trường tích.					
Phân tích trình độ của người quản lý an toàn.					
Đánh giá cách thức giám sát trở thành bất lực và tăng cường đào tạo.					
Tìm ra cách thức cải thiện việc tính toán chi phí quản lý an toàn.					
1-2. Cung cấp sự hỗ trợ chuyên biệt, tùy theo loại hình và nguyên nhân của tai nạn trong ngành sản xuất					
1-3. Chuyên môn hóa hệ thống cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho ngành dịch vụ					
Xây dựng chương trình hỗ trợ ngành dịch vụ.					
Phát triển và cung cấp dự án phòng tránh thị trường tích theo loại hình công việc.					
1-4. Mời các chuyên gia PMS vào ngành hóa chất và các lĩnh vực khác					
Mời các chuyên gia PMS.					
Cải thiện hệ thống PMS.					
(2) Tăng cường hỗ trợ cho các bộ phận địa phương tại nội địa lao động					
2-1. Xem xét các điểm lao động khi thực hiện các chỉ tiêu					
Giảm thiểu hệ thống đào tạo của nhân viên an toàn.					
Phân phối kỹ thuật kiểm tra và đánh giá và duy trì kỹ thuật.					
Phát triển và cung cấp kỹ thuật cải thiện quy trình làm việc và tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn.					
Phát triển và cung cấp các chương trình sức khỏe và an toàn cho nhân viên.					
2-2. Điều hành các dự án công tác về sức khỏe và an toàn					
2-3. Tăng cường hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và các nhà					

th u ph đ i v i công tác qu n lý s c kh e và an toàn					
Nhi m v chính tr	'10	'11	'12	'13	'14

(3) C ng c m c đ an toàn c a các máy móc và thi t b nguy hi m

3-1. M r ng các doanh nghi p đ đi u ki n ki m tra và ch ng nh n an toàn, nâng cao tính hi u qu .					
▪ Gi i thi u và th c hi n h th ng đánh giá an toàn.					
▪ Xem xét vi c đ tra yêu c u t ng t cho nhà s n xu t.					
▪ Phân tách tiêu chí quy t đ nh và tiêu chí hành đ ng.					
3-2. Toàn c u hóa vi c ki m tra và ch ng nh n an toàn					
▪ H ng t i s t ng h p gi a các tiêu chu n an toàn qu c gia và tiêu chu n toàn c u.					
▪ Gi i thi u và áp d ng h th ng trình đ c a nhân viên đi u tra.					

4. Xây d ng h th ng qu n lý u tiên phòng tránh b nh t t

(1) Nâng c p h th ng qu n lý

1-1. Xây d ng h th ng qu n lý toàn th i gian đ i v i y u t gây hi i					
▪ T ch c và đi u hành y ban chuyên môn.					
▪ V n hành trung tâm xét nghi m n ng đ đ c mẫn tính hít ph i.					
1-2. C i ti n h th ng cung c p thông tin v v t li u nguy hi m và đ c h i					
▪ Xây d ng và đi u hành Trung tâm Thông tin Hóa ch t KOSHA.					
▪ Đa d ng hóa h th ng cung c p thông tin v v t li u nguy hi m và đ c h i.					
1-3. C ng c h th ng theo dõi và phát hi n s m các b nh ngh nghi p					
▪ Xây d ng h th ng giám sát trung tâm.					
▪ Ti n hành kh o sát v vi c đ báo b nh t t.					
▪ T ch c l i h th ng qu n lý phòng tránh b nh ung th do ngh nghi p.					

Nhiệm vụ chính trị	'10	'11	'12	'13	'14
(2) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống phòng tránh b. nh					
2-1. Công cụ công tác quản lý phòng tránh b. nh t. t phù hợp với loại hình và quy mô doanh nghiệp					
▪ Tăng cường hỗ trợ tài chính đối với các chi phí kiểm tra y. t. đ. c. b. t. và c. i. t. n. h. th. ng.					
▪ Tăng cường hỗ trợ tài chính đối với các chi phí đánh giá môi trường làm việc và c. i. t. n. h. th. ng.					
▪ Công cụ đánh giá các tính toán và hệ thống kiểm tra y. t. .					
▪ Phát triển và cung cấp mô hình kỹ thuật phòng tránh theo loại và quy mô công việc.					
▪ Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp có quy trình l. n.					
2-2. Sản phẩm hệ thống nh. m. xây dựng m. t. h. th. ng. quản lý s. c. kh. e. t. nguy. n.					
▪ Chỉ thị n. tiêu chuẩn v. trình đ. c. a. ng. i. qu. n. lý s. c. kh. e. và ph. ng. pháp làm việc.					
▪ Tăng số lượng n. làm việc c. c. n. đ. c. ch. đ. nh. ng. i. qu. n. lý s. c. kh. e.					
2-3. Kh. i. đ. ng. các chỉ n. d. ch. qu. ng. bá. v. s. c. kh. e. t. i. n. i. làm việc					
▪ Tr. n. khai chỉ n. d. ch. n. i. làm việc không khói thuốc.					
▪ Xây dựng kế hoạch hành động đ. i. v. i. v. n. đ. tâm trí lành m. nh.					
(3) Xây dựng hệ thống ngăn chặn các v. n. đ. v. s. c. kh. e. phát sinh từ s. i. amiăng và tăng cường quản lý					
3-1. Xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc phòng tránh các th. ng. tích có liên quan đ. n. s. i. amiăng					
▪ Xây dựng các cơ sở phân tích s. i. amiăng đ. ng. nh. t.					
▪ Lập đ. t. các khu vực đào tạo v. phá. h. y. s. i. amiăng					
▪ Phát triển và cung cấp các h. ng. d. n. v. i. c. chu. n. b. b. n. đ. s. i. amiăng.					
▪ Liên t. c. c. p. nh. t. đ. n. giá vào c. tính Tiêu chuẩn cho Xây dựng.					
3-2. Tăng cường ph. i. h. p. giám sát cùng v. i. chính quyền địa phương					
•Đ. u. hành các nhóm th. c. thi n. m. v. v. s. i. amiăng cho các đ. a. đ. m. tái phát triển.					
▪ Tăng cường h. ng. d. n. và giám sát.					

Nhiệm vụ chính trị	'10	'11	'12	'13	'14
--------------------	-----	-----	-----	-----	-----

5. Tầm ý thức và xây dựng thói quen nhận thức về an toàn thông qua văn hóa an toàn để con người nhận được

(1) Tầm khai thác nội dung về văn hóa an toàn cùng với các tổ chức phi chính phủ và người lao động - ban quản lý.

- Tầm khai thác nội dung cùng với các tổ chức có liên quan.

- Vấn hành hình thành chung nhận thức về văn hóa và sức khỏe và an toàn lao động.

- Tầm khai thác nội dung "1 công ty, 1 quy tắc an toàn".

(2) Xây dựng khóa đào tạo chuyên biệt, các chỉ số và chỉ số nội dung và PR

2-1. Mục tiêu cho công tác đào tạo về sức khỏe và an toàn

- Xây dựng các chính sách khuyến khích sự tham gia của các chủ doanh nghiệp.
- Phát triển và cung cấp các chương trình và phương pháp đào tạo có xét đến đặc điểm của các viên.

2-2. Tăng cường các hoạt động và chương trình PR chuyên biệt

- Xây dựng và thực hiện các chỉ số cho hoạt động PR tại địa phương.
- Mở rộng sự kiện trong tuần của chỉ số nội dung lên cấp vùng.

2-3. Tăng cường khả năng tiếp cận và danh mục thông tin về sức khỏe và an toàn theo chủ đề

- Xây dựng và cung cấp tài liệu.
- Tìm ra cách thức liên kết với trình độ.

- Mở rộng các chương trình và cơ sở đào tạo theo kinh nghiệm tốt nhất khu vực.

2-4. Nhận thức về văn hóa an toàn khoa học và có hệ thống

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch trung dài hạn.
- Tính toán nhận thức về an toàn mặt cách khoa học.
- Khảo sát về mức độ nhận thức của các chủ doanh nghiệp.

Nhiệm vụ chính trị	'10	'11	'12	'13	'14
(3) Tái thiết chi nhánh và cung cấp và trao đổi thông tin trong nội bộ và toàn công đoàn					
3-1. Quản lý và điều hành chi nhánh					
Nâng cao mức đóng góp cho các nhiệm vụ đang phát triển.					
Tăng cường và đổi mới cơ sở hạ tầng và điều kiện làm việc cho các thành viên.					
3-2. Tái thiết chi nhánh và cung cấp thông tin trong nội bộ và toàn công đoàn					
Xuất bản và sản xuất các tài liệu và an toàn lao động.					
Xuất bản và sản xuất trên web.					
6. Tăng cường năng lực quản lý và điều hành các cơ sở và an toàn lao động					
(1) Tăng cường năng lực giám sát					
Chuyên môn hóa theo khu vực.					
Xem xét thay đổi sang hình thức quản lý chuyên ngành.					
Vận hành chương trình đào tạo theo công việc.					
(2) Xây dựng hệ thống đánh giá tính hiệu quả					
Phát triển hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và tiêu chí chi tiêu.					
Xây dựng chương trình quản lý chi tiêu ngân sách và hệ thống phân bổ.					
(3) Công nhận và thực hiện các công việc					
2-2. Tăng cường các hoạt động và chương trình PR chuyên biệt					
Tổ chức và thực hiện các hoạt động xã hội.					
Nâng cao chất lượng công việc.					
(4) Xây dựng hệ thống thông tin và báo cáo					
Xây dựng hệ thống thông tin và báo cáo.					

Ph | c

K ho ch tri n khai d án l n cho n
ăm 2010•55

Tăng c ng phòng tránh thiên tai c
ho D án Công vi c Hy v ng 2010•
81

K ho ch th c hi n “Chi n d ch gi
m m t n a s v tại n n”•97

Ph ng pháp qu n lý an toàn cho
“D án C i t o 4 Dòng sông L n”•1
23

Chi n d ch Không Khói Thu c cho n
i làm vi c và chi n d ch t o d ng t
âm lý lành m nh cho nhân viên•145

Gi i thi u d án thí đi m v h th n
g đánh giá r i ro •165